



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 49

Ngày 15 tháng 7 năm 2018

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- | | | |
|------------|--|----|
| 04-6-2018- | Quyết định số 2375/QĐ-UBND về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội. | 3 |
| 06-6-2018- | Quyết định số 2421/QĐ-UBND ban hành Kế hoạch bổ sung Chương trình cải cách hành chính của thành phố đến năm 2020 theo Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 15 tháng 3 năm 2018 của Hội đồng nhân dân thành phố. | 25 |
| 06-6-2018- | Quyết định số 2422/QĐ-UBND ban hành Kế hoạch bổ sung thực hiện công tác Cải cách hành chính trên địa bàn thành phố năm 2018. | 33 |

12-6-2018- Quyết định số 2500/QĐ-UBND ban hành Quy định về điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố huyện, xã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, giai đoạn 2018 - 2020.

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2375/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 6 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi
chức năng quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 10483/TTr-SLĐTBXH ngày 02 tháng 5 năm 2018 và Tờ trình số 12116/TTr-SLĐTBXH ngày 21 tháng 5 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 46 Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, 03 thủ tục thay thế và bãi bỏ 19 thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

Danh mục thủ tục hành chính đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố tại địa chỉ <http://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/Home/danh-muc-tthc/default.aspx>.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 04 tháng 6 năm 2018.

Bãi bỏ nội dung liên quan đến 19 thủ tục (theo danh mục đính kèm) đã được công bố tại Quyết định số 5287/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội được chuẩn hóa tại thành phố.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Phong

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG
QUẢN LÝ CỦA SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2375/QĐ-UBND ngày 04 tháng 6 năm 2018 của
Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)*

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

**A1. THỦ TỤC MỚI BAN HÀNH THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA SỞ
LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
I. Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp					
1	Thủ tục thành lập hội đồng trường, bổ nhiệm chủ tịch và các thành viên hội đồng trường cao đẳng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	15 ngày làm việc	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (địa chỉ 159 Pasteur, Phường 6, Quận 3)	Không	- Luật Giáo dục nghề nghiệp (có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2015). - Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về Điều lệ trường cao đẳng (có hiệu lực kể từ ngày 15/02/2017).
2	Thủ tục miễn nhiệm chủ tịch và các thành viên hội đồng trường cao đẳng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	15 ngày làm việc	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (địa chỉ 159 Pasteur, Phường 6, Quận 3)	Không	- Luật Giáo dục nghề nghiệp (có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2015). - Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về Điều lệ trường cao đẳng (có hiệu lực kể từ ngày 15/02/2017).
3	Thủ tục cách chức chủ tịch và các thành viên	15 ngày	Sở Lao động -	Không	- Luật Giáo dục nghề nghiệp (có hiệu lực kể từ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	hội đồng trường cao đẳng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	làm việc	Thương binh và Xã hội (địa chỉ 159 Pasteur, Phường 6, Quận 3)		ngày 01/7/2015). - Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về Điều lệ trường cao đẳng (có hiệu lực kể từ ngày 15/02/2017).
4	Thủ tục bổ nhiệm hiệu trưởng trường cao đẳng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	20 ngày làm việc	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (địa chỉ 159 Pasteur, Phường 6, Quận 3)	Không	- Luật Giáo dục nghề nghiệp (có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2015). - Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về Điều lệ trường cao đẳng (có hiệu lực kể từ ngày 15/02/2017).
5	Thủ tục miễn nhiệm, cách chức hiệu trưởng trường cao đẳng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	20 ngày làm việc	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (địa chỉ 159 Pasteur, Phường 6, Quận 3)	Không	- Luật Giáo dục nghề nghiệp (có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2015). - Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về Điều lệ trường cao đẳng (có hiệu lực kể từ ngày 15/02/2017).
6	Thủ tục thành lập hội đồng trường trung cấp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	15 ngày làm việc	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (địa chỉ 159 Pasteur,	Không	- Luật Giáo dục nghề nghiệp (có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2015). - Thông tư số 47/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			Phường 6, Quận 3)		Điều lệ trường Trung cấp (có hiệu lực kể từ ngày 15/02/2017).
7	Thủ tục miễn nhiệm chủ tịch, các thành viên hội đồng trường trung cấp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	15 ngày làm việc	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (địa chỉ 159 Pasteur, Phường 6, Quận 3)	Không	- Luật Giáo dục nghề nghiệp (có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2015). - Thông tư số 47/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về Điều lệ trường trung cấp (có hiệu lực kể từ ngày 15/02/2017).
8	Thủ tục cách chức chủ tịch, các thành viên hội đồng trường trung cấp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	15 ngày làm việc	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (địa chỉ 159 Pasteur, Phường 6, Quận 3)	Không	- Luật Giáo dục nghề nghiệp (có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2015). - Thông tư số 47/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về Điều lệ trường trung cấp (có hiệu lực kể từ ngày 15/02/2017).
9	Thủ tục thành lập hội đồng quản trị trường trung cấp tư thục	15 ngày làm việc	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (địa chỉ 159 Pasteur, Phường 6, Quận 3)	Không	- Luật Giáo dục nghề nghiệp (có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2015). - Thông tư số 47/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về Điều lệ trường trung cấp (có hiệu lực kể từ ngày 15/02/2017).
10	Thủ tục bổ nhiệm hiệu trưởng trường trung cấp	20 ngày	Sở Lao động -	Không	- Luật Giáo dục nghề nghiệp (có hiệu lực kể từ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	làm việc	Thương binh và Xã hội (địa chỉ 159 Pasteur, Phường 6, Quận 3)		ngày 01/7/2015). -Thông tư số 47/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về Điều lệ trường trung cấp (có hiệu lực kể từ ngày 15/02/2017).
11	Thủ tục công nhận hiệu trưởng trường trung cấp tư thục	20 ngày làm việc	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (địa chỉ 159 Pasteur, Phường 6, Quận 3)	Không	- Luật Giáo dục nghề nghiệp (có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2015). -Thông tư số 47/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về Điều lệ trường trung cấp (có hiệu lực kể từ ngày 15/02/2017).
12	Thủ tục miễn nhiệm, cách chức hiệu trưởng trường trung cấp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	20 ngày làm việc	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (địa chỉ 159 Pasteur, Phường 6, Quận 3)	Không	- Luật Giáo dục nghề nghiệp (có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2015). -Thông tư số 47/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về Điều lệ trường trung cấp (có hiệu lực kể từ ngày 15/02/2017).
13	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề	40 ngày làm việc	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Không	- Luật Giáo dục nghề nghiệp (có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2015). - Nghị định số 48/2015/NĐ-CP ngày

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	nghiệp		(địa chỉ 159 Pasteur, Phường 6, Quận 3)		15/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục nghề nghiệp (có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2015). - Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp (có hiệu lực kể từ ngày 14/10/2016).
14	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	55 ngày làm việc	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (địa chỉ 159 Pasteur, Phường 6, Quận 3)	Không	- Luật Giáo dục nghề nghiệp (có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2015). - Nghị định số 48/2015/NĐ-CP ngày 15/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục nghề nghiệp (có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2015). - Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp (có hiệu lực kể từ ngày 14/10/2016).
15	Cho phép mở phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài (tại các tỉnh, thành phố khác với tỉnh, thành phố nơi đặt trụ sở chính của trường trung cấp)	55 ngày làm việc	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (địa chỉ 159 Pasteur,	Không	- Luật Giáo dục nghề nghiệp (có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2015). - Nghị định số 48/2015/NĐ-CP ngày 15/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			Phường 6, Quận 3)		nghề nghiệp (có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2015). - Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.
16	Cho phép mở phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài (trong cùng một tỉnh, thành phố với trụ sở chính của trường trung cấp).	55 ngày làm việc	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (địa chỉ 159 Pasteur, Phường 6, Quận 3)	Không	- Luật Giáo dục nghề nghiệp (có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2015). - Nghị định số 48/2015/NĐ-CP ngày 15/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục nghề nghiệp. - Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp
17	Sáp nhập, chia, tách trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	30 ngày làm việc	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (địa chỉ 159 Pasteur, Phường 6, Quận 3)	Không	- Luật Giáo dục nghề nghiệp (có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2015). - Nghị định số 48/2015/NĐ-CP ngày 15/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục nghề nghiệp. - Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					ngành (có hiệu lực kể từ ngày 14/10/2016).
II. Lĩnh vực Bảo vệ chăm sóc trẻ em					
1	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế	25 ngày làm việc	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (địa chỉ 159 Pasteur, Phường 6, Quận 3)	Không	- Luật Trẻ em năm 2016 (có hiệu lực kể từ ngày 01/6/2017). - Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trẻ em (có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2017).
III. Lĩnh vực bảo trợ xã hội					
1	Đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	5 ngày làm việc	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (địa chỉ 159 Pasteur, Phường 6, Quận 3)	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội (có hiệu lực kể từ ngày 01/11/2017)
2	Đăng ký thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	5 ngày làm việc	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (địa chỉ 159 Pasteur, Phường 6, Quận 3)	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội (có hiệu lực kể từ ngày 01/11/2017)
3	Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành	15 ngày làm	Sở Lao động - Thương	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	lập của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	việc	binh và Xã hội (địa chỉ 159 Pasteur, Phường 6, Quận 3)		quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội (có hiệu lực kể từ ngày 01/11/2017)
4	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền cấp phép của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	15 ngày làm việc	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (địa chỉ 159 Pasteur, Phường 6, Quận 3)	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội (có hiệu lực kể từ ngày 01/11/2017)
5	Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cấp	15 ngày làm việc	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (địa chỉ 159 Pasteur, Phường 6, Quận 3)	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội (có hiệu lực kể từ ngày 01/11/2017)

A2. THỦ TỤC MỚI BAN HÀNH THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA CƠ QUAN KHÁC (SỞ, BAN, NGÀNH, CƠ SỞ TRỢ GIÚP XÃ HỘI)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
I. Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp					
1	Thủ tục thành lập hội đồng trường trung cấp công lập trực thuộc các Sở, ban, ngành	15 ngày làm việc	Các Sở, ban, ngành có liên quan	Không	- Luật Giáo dục nghề nghiệp (có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2015). - Thông tư số 47/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về Điều lệ trường trung cấp (có hiệu lực kể từ ngày 15/02/2017).
2	Thủ tục miễn nhiệm chủ tịch, các thành viên hội đồng trường trung cấp công lập trực thuộc các Sở, ban, ngành	15 ngày làm việc	Các Sở, ban, ngành có liên quan	Không	- Luật Giáo dục nghề nghiệp (có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2015). - Thông tư số 47/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về Điều lệ trường trung cấp (có hiệu lực kể từ ngày 15/02/2017).
3	Thủ tục cách chức chủ tịch, các thành viên hội đồng trường trung cấp công lập trực thuộc các Sở, ban, ngành	15 ngày làm việc	Các Sở, ban, ngành có liên quan	Không	- Luật Giáo dục nghề nghiệp (có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2015). - Thông tư số 47/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về Điều lệ trường trung cấp (có hiệu lực kể từ ngày 15/02/2017).

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
4	Thủ tục bổ nhiệm hiệu trưởng trường trung cấp công lập trực thuộc các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện	20 ngày làm việc	Các Sở, ban, ngành có liên quan	Không	<p>- Luật Giáo dục nghề nghiệp (có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2015).</p> <p>- Thông tư số 47/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về Điều lệ trường trung cấp (có hiệu lực kể từ ngày 15/02/2017).</p>
5	Thủ tục miễn nhiệm, cách chức hiệu trưởng trường trung cấp công lập thuộc các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện	20 ngày làm việc	Các Sở, ban, ngành có liên quan	Không	<p>- Luật Giáo dục nghề nghiệp (có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2015).</p> <p>- Thông tư số 47/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về Điều lệ trường trung cấp (có hiệu lực kể từ ngày 15/02/2017).</p>
II. Lĩnh vực Bảo trợ xã hội					
1	Thành lập cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	35 ngày làm việc	Sở Nội vụ (địa chỉ 86 Lê Thánh Tôn, Quận 1)	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội (có hiệu lực kể từ ngày 01/11/2017)
2	Tổ chức lại, giải thể cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	40 ngày làm việc	Sở Nội vụ (địa chỉ 86 Lê Thánh Tôn,	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Quận 1)		Cơ sở trợ giúp xã hội (có hiệu lực kể từ ngày 01/11/2017)
3	Dùng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh	7 ngày làm việc	Các cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội (có hiệu lực kể từ ngày 01/11/2017)
4	Dùng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội quận, huyện	7 ngày làm việc	Cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội (có hiệu lực kể từ ngày 01/11/2017)

A3. THỦ TỤC MỚI BAN HÀNH THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
I. Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp					
1	Thủ tục thành lập hội đồng trường trung cấp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện	15 ngày làm việc	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không	- Luật Giáo dục nghề nghiệp (có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2015). - Thông tư số 47/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ Lao

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					động - Thương binh và Xã hội quy định về Điều lệ trường trung cấp (có hiệu lực kể từ ngày 15/02/2017).
2	Thủ tục miễn nhiệm chủ tịch, các thành viên hội đồng trường trung cấp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện	15 ngày làm việc	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không	- Luật Giáo dục nghề nghiệp (có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2015). - Thông tư số 47/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về Điều lệ trường trung cấp (có hiệu lực kể từ ngày 15/02/2017).
3	Thủ tục cách chức chủ tịch, các thành viên hội đồng trường trung cấp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện	15 ngày làm việc	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không	- Luật Giáo dục nghề nghiệp (có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2015). - Thông tư số 47/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về Điều lệ trường trung cấp (có hiệu lực kể từ ngày 15/02/2017).
II. Lĩnh vực Bảo vệ chăm sóc trẻ em					
1	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	05 ngày làm việc	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không	- Luật Trẻ em năm 2016 (có hiệu lực kể từ ngày 01/6/2017). - Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trẻ em (có hiệu

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					lực kể từ ngày 01/7/2017).
2	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế	25 ngày làm việc	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không	- Luật Trẻ em năm 2016 (có hiệu lực kể từ ngày 01/6/2017). - Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trẻ em (có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2017).
III. Lĩnh vực bảo trợ xã hội					
1	Thành lập cơ sở trợ giúp xã hội công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện	35 ngày làm việc	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội (có hiệu lực kể từ ngày 01/11/2017)
2	Tổ chức lại, giải thể cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện	40 ngày làm việc	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội (có hiệu lực kể từ ngày 01/11/2017)
3	Đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền giải quyết của Phòng Lao động -	5 ngày làm việc	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động,

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	Thương binh và Xã hội				giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội (có hiệu lực kể từ ngày 01/11/2017)
4	Đăng ký thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký thành lập đối với cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền giải quyết của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	5 ngày làm việc	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội (có hiệu lực kể từ ngày 01/11/2017)
5	Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	15 ngày làm việc	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội (có hiệu lực kể từ ngày 01/11/2017)
6	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền cấp phép của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	15 ngày làm việc	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội (có hiệu lực kể từ ngày 01/11/2017)
7	Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp	15 ngày làm việc	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội (có hiệu lực kể từ ngày 01/11/2017)

A4. THỦ TỤC MỚI BAN HÀNH THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
I. Lĩnh vực Bảo vệ chăm sóc trẻ em					
1	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	05 ngày làm việc	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	- Luật Trẻ em năm 2016 (có hiệu lực kể từ ngày 01/6/2017). - Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trẻ em (có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2017).
II. Lĩnh vực Bảo trợ xã hội					
1	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	10 ngày làm việc	Ủy ban nhân dân cấp xã	không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội (có hiệu lực kể từ ngày 01/11/2017)

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THẾ**B1. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THẾ THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA SỞ LAO ĐỘNG, THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

TT	Tên thủ tục hành chính thay thế	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
Lĩnh vực An toàn lao động					
1	Khai báo đưa vào sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động	5 ngày làm việc	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (địa chỉ 159 Pasteur, Phường 6, Quận 3)	Không	<p>-Luật An toàn, vệ sinh lao động (có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2016);</p> <p>-Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật an toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động; huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động;</p> <p>- Thông tư số 16/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/6/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc Quy định chi tiết một số nội dung về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động (có hiệu lực kể từ ngày 22/8/2017);</p>

B2. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THẾ THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

TT	Tên thủ tục hành chính thay thế	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
Lĩnh vực Bảo trợ xã hội					
1	Thủ tục tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh	32 ngày làm việc	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội (có hiệu lực kể từ ngày 01/11/2017)
2	Thủ tục tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện	32 ngày làm việc	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ**C1. THỦ TỤC BỊ BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA SỞ LAO ĐỘNG, THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Văn bản quy định việc bãi bỏ
I. Lĩnh vực Bảo trợ xã hội			
1	T-HCM-272006-TT	Cấp giấy phép hoạt động cơ sở chăm sóc người khuyết tật đối với cơ sở thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố quản lý	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội
2	T-HCM-272007-TT	Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động cơ sở chăm sóc người khuyết tật đối với cơ sở thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố quản lý	
3	T-HCM-272008-TT	Cấp giấy phép hoạt động cơ sở chăm sóc người cao tuổi đối với cơ sở thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố quản lý	
4	T-HCM-272009-TT	Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động cơ sở chăm sóc người cao tuổi đối với cơ sở thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố quản lý	
II. Lĩnh vực An toàn lao động			
	T-HCM-272017-TT	Thủ tục tiếp nhận Phiếu khai báo sử dụng các đối tượng kiểm định và cấp giấy xác nhận khai báo sử dụng máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động	Thông tư số 16/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/6/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc Quy định chi tiết một số nội dung về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động (có hiệu lực kể từ ngày 22/8/2017) (được thay thế bởi thủ tục Khai báo đưa vào sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động)

C2. THỦ TỤC BỊ BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA CƠ QUAN KHÁC

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Văn bản quy định việc bãi bỏ
Lĩnh vực bảo trợ xã hội			
1	T-HCM-272022-TT	Thành lập cơ sở bảo trợ xã hội công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội
2	T-HCM-272023-TT	Thành lập cơ sở bảo trợ xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố	
3	T-HCM-272024-TT	Giải thể cơ sở bảo trợ xã hội thuộc thẩm quyền thành lập của Ủy ban nhân dân Thành phố	
4	T-HCM-272025-TT	Thay đổi tên, trụ sở, giám đốc, quy chế hoạt động của cơ sở bảo trợ xã hội thuộc thẩm quyền thành lập của Ủy ban nhân dân Thành phố	

C3. THỦ TỤC BỊ BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Văn bản quy định việc bãi bỏ
Lĩnh vực Bảo trợ xã hội			
1	T-HCM-271045-TT	Thành lập cơ sở bảo trợ xã hội công lập	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội
2	T-HCM-271046-TT	Thành lập cơ sở bảo trợ xã hội ngoài công lập	
3	T-HCM-271047-TT	Giải thể cơ sở bảo trợ xã hội	
4	T-HCM-271048-TT	Thay đổi tên, trụ sở, giám đốc, quy chế hoạt động của cơ sở bảo trợ xã hội	
5	T-HCM-271049-TT	Thành lập Trung tâm công tác xã hội công lập	
6	T-HCM-272028-TT	Tổ chức lại, giải thể Trung tâm công tác xã hội công lập	
7	T-HCM-	Thay đổi tên gọi, trụ sở làm việc của	

	271050-TT	Trung tâm công tác xã hội	
8	T-HCM-272029-TT	Cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động cơ sở chăm sóc người khuyết tật	
9	T-HCM-272030-TT	Cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động chăm sóc người cao tuổi	

C4. THỦ TỤC BỊ BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Văn bản quy định việc bãi bỏ
Lĩnh vực Bảo trợ xã hội			
1	T-HCM-272032-TT	Thủ tục tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội (được thay thế bởi Thủ tục tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh và Thủ tục tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện)

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2421/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 6 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch bổ sung Chương trình cải cách hành chính của thành phố
đến năm 2020 theo Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 15 tháng 3 năm 2018
của Hội đồng nhân dân thành phố**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 25/2012/QĐ-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Chương trình cải cách hành chính trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2011 - 2020;

Căn cứ Chương trình hành động số 18-CTr/TU ngày 31 tháng 10 năm 2016 của Thành ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ X về Chương trình cải cách hành chính giai đoạn 2016-2020

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 15 tháng 3 năm 2018 của Hội đồng nhân dân thành phố về công tác cải cách hành chính, nâng cao sự hài lòng của người dân và tổ chức về dịch vụ hành chính công trên địa bàn thành phố;

Căn cứ Thông báo số 78/TB-VPCP ngày 27 tháng 02 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ về Kết luận của Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Trương Hòa Bình, Trưởng ban Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ tại cuộc họp trực tuyến tổng kết công tác cải cách hành chính năm 2017, triển khai nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2018;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1797/TTr-SNV ngày 18 tháng 5 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch bổ sung Chương trình cải cách hành chính của thành phố đến năm 2020 theo Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày

15 tháng 3 năm 2018 của Hội đồng nhân dân thành phố.

Điều 2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và nội dung tại Kế hoạch này để xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể, thiết thực tại đơn vị.

Điều 3. Quyết định này sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong Quyết định số 6119/QĐ-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ X về Chương trình cải cách hành chính giai đoạn 2016 - 2020.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường, xã, thị trấn, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Vĩnh Tuyên

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

**Bổ sung Chương trình cải cách hành chính của thành phố đến năm 2020
theo Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 15 tháng 3 năm 2018
của Hội đồng nhân dân thành phố**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2421/QĐ-UBND
ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 15 tháng 3 năm 2018 của Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp thứ bảy (kỳ họp bất thường) về công tác cải cách hành chính, nâng cao sự hài lòng của người dân và tổ chức về dịch vụ hành chính công trên địa bàn thành phố và thực hiện Thông báo số 78/TB-VPCP ngày 27 tháng 02 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ về Kết luận của Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Trương Hòa Bình, Trưởng ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ, Ủy ban nhân dân thành phố yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện triển khai bổ sung các nhiệm vụ và giải pháp sau:

I. MỤC TIÊU

Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Mục I Kế hoạch như sau:

Nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính công đến năm 2020; 30% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý trực tuyến tại mức độ 4; tỷ lệ cấp đăng ký doanh nghiệp qua mạng đạt hơn 50%; tỷ lệ cấp giấy chứng nhận đầu tư qua mạng đạt 10%.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Cải cách thể chế hành chính, nâng cao hiệu quả công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật

1.1. Bổ sung nội dung tại điểm a khoản 1 Mục II Kế hoạch như sau:

Thực hiện có hiệu quả các nội dung, đề án nhằm triển khai thực hiện Nghị quyết số 54/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017 của Quốc hội về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hồ Chí Minh đảm bảo đúng tiến độ và chất lượng và Kế hoạch số 8127/KH-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban

nhân dân thành phố.

1.2. Bổ sung nội dung tại điểm b khoản 1 Mục II Kế hoạch như sau:

Ban hành chỉ thị nâng cao chất lượng công tác ban hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố gắn với trách nhiệm của từng đơn vị soạn thảo, thẩm định, ban hành văn bản.

Ban hành kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền, chú trọng cải cách thủ tục hành chính ngay trong công tác xây dựng thể chế, rút ngắn thời gian ban hành văn bản, đưa pháp luật nhanh chóng đi vào đời sống.

2. Cải cách thủ tục hành chính

2.1. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Mục II Kế hoạch như sau:

Chủ động rà soát, kiến nghị đơn giản hóa thủ tục hành chính, đề xuất giải pháp cải cách thủ tục hành chính trong các lĩnh vực, nhất là thủ tục liên quan đến xây dựng, nhà đất, cấp giấy phép đầu tư, thành lập doanh nghiệp, thuế, hải quan, nông nghiệp, ứng dụng công nghệ thông tin, khởi nghiệp, phát triển du lịch, tiếp cận tín dụng, bảo hiểm xã hội, chính sách đối với người có công, lý lịch tư pháp, phí, lệ phí, hộ tịch, khiếu nại, tố cáo; nghiên cứu phương thức từ “tiền kiểm sang hậu kiểm” trong giải quyết thủ tục hành chính (lĩnh vực cấp phép kinh doanh có điều kiện, ...) để giảm chi phí hành chính, không gây phiền hà cho người dân và doanh nghiệp.

Tập trung cải cách thủ tục hành chính trong nội bộ từng cơ quan, đơn vị và giữa các cơ quan, đơn vị ở các cấp với nhau. Xây dựng và thực hiện nghiêm các quy chế phối hợp giữa sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận-huyện trong thực hiện nhiệm vụ và giải quyết các thủ tục hành chính.

Tăng cường công tác kiểm tra, khảo sát, nhất là lĩnh vực y tế, giáo dục, xây dựng, tài nguyên, môi trường, thuế, hải quan, bảo hiểm xã hội, đăng ký cư trú, du lịch.

Thủ tục hành chính được cải cách cơ bản, mức độ hài lòng của nhân dân và doanh nghiệp về thủ tục hành chính đạt mức trên 80%, tỷ lệ giải quyết hồ sơ đúng hạn của từng lĩnh vực đều đạt trên 90% vào năm 2020.

2.2. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Mục II Kế hoạch như sau:

Đề cao trách nhiệm người đứng đầu, cơ quan đầu mối tiếp nhận hồ sơ trong quy trình liên thông, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực trong thực hiện cơ chế kiểm soát quy trình giải quyết thủ tục hành chính:

Thực hiện có hiệu quả các giải pháp chấn chỉnh, tăng cường hiệu quả công tác kiểm soát thủ tục hành chính theo Chỉ thị số 30/2014/CT-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố.

Chỉ đạo xử lý kịp thời, dứt điểm với phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp; hướng dẫn, chỉ đạo xử lý kịp thời theo chức năng, thẩm quyền đối với việc giải quyết thủ tục hành chính của đơn vị thuộc lĩnh vực quản lý; chủ động và phối hợp với các cơ quan liên quan tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quy trình giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa liên thông; việc thực hiện trách nhiệm giải thích, hướng dẫn thủ tục; kiểm soát số lượng hồ sơ phải bổ sung nhiều lần, bổ sung ngoài thời gian pháp luật quy định và nguyên nhân hồ sơ bị trễ hạn.

Thực hiện nghiêm túc quy định về xin lỗi trong trường hợp giải quyết hồ sơ trễ hạn theo Quyết định số 5157/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố; tăng cường kiểm tra, thanh tra công vụ và xử lý nghiêm trường hợp vi phạm quy định về xin lỗi, cán bộ, công chức, viên chức thiếu ý thức phục vụ người dân, tổ chức khi đến giao dịch, có hành vi nhũng nhiễu, yêu cầu bổ sung hồ sơ nhiều lần không đúng quy định, giải quyết hồ sơ trễ hạn không có lý do chính đáng, đồng thời xử lý trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị đó.

2.3. Bổ sung điểm d khoản 2 Mục II Kế hoạch như sau:

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích.

3. Cải cách tổ chức bộ máy nhà nước

Bổ sung điểm b khoản 3 Mục II Kế hoạch như sau:

Triển khai thực hiện hiệu quả Kết luận số 244-LK/TU ngày 24 tháng 11 năm 2017 của Ban Thường vụ Thành ủy về thực hiện Thông báo số 30-TB/TW ngày 23 tháng 5 năm 2017 và Kết luận số 17-KL/TW ngày 11 tháng 9 năm 2017 của Bộ Chính trị. Sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan hành chính và đơn vị, sự nghiệp công lập trên địa bàn thành phố, đẩy mạnh phân cấp thẩm quyền giải quyết công việc và gắn kết chặt chẽ với các chính sách tinh giản biên chế theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII và các văn bản sửa đổi, bổ sung các quy định về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện.

4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa - hiện đại hóa

Bổ sung điểm a khoản 4 Mục II Kế hoạch như sau:

Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; hoàn thành và thực hiện nghiêm bản mô tả công việc và khung năng lực của từng vị trí việc làm trong các cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập làm cơ sở cho việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức, viên chức.

5. Hiện đại hóa nền hành chính nhà nước

Bổ sung điểm b khoản 6 Mục II Kế hoạch như sau:

- Triển khai thực hiện hiệu quả Đề án “Xây dựng thành phố Hồ Chí Minh trở thành đô thị thông minh giai đoạn 2017-2020, tầm nhìn đến năm 2025”.

- Tăng cường xây dựng, sử dụng hiệu quả các phần mềm quản lý, cơ sở dữ liệu dùng chung, bảo đảm quản lý thống nhất, đồng bộ và kết nối thông suốt giữa Trung ương và địa phương.

- Mở rộng việc liên thông điện tử thực hiện thủ tục hành chính giữa các cơ quan trên địa bàn. Trong đó, thực hiện liên thông điện tử với các sở-ngành trong thực hiện các thủ tục đăng ký đầu tư qua mạng; xây dựng và vận hành phần mềm dùng chung của ngành y tế để quản lý đồng bộ, chia sẻ; liên thông dữ liệu bệnh án điện tử trong kế hoạch thực hiện Đề án “Xây dựng thành phố Hồ Chí Minh trở thành đô thị thông minh” thuộc lĩnh vực y tế.

6. Bổ sung thêm khoản 8 Mục II Kế hoạch: Khảo sát sự hài lòng của người dân và tổ chức

- Người đứng đầu cơ quan, đơn vị phải chủ động lắng nghe, tiếp thu ý kiến đóng góp của người dân, tổ chức và doanh nghiệp để đề ra các giải pháp khả thi thực hiện có hiệu quả, hiệu lực trong công tác cải cách hành chính, sử dụng hiệu quả các chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức để nâng cao chất lượng, hiệu quả cải cách hành chính, đáp ứng yêu cầu xây dựng nền hành chính phục vụ.

- Thực hiện các giải pháp tạo chuyển biến mạnh mẽ, cải thiện căn bản các chỉ tiêu về môi trường đầu tư kinh doanh; thường xuyên tổ chức các cuộc đối thoại với doanh nghiệp.

- Tăng cường khảo sát sự hài lòng của người dân và tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trong các lĩnh vực, nhất là lĩnh vực y tế, giáo dục, xây dựng, tài nguyên, môi trường, thuế, hải quan, bảo hiểm

xã hội, đăng ký cư trú, hộ tịch.

- Phối hợp Ban Thường trực Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố triển khai thực hiện Chương trình Giám sát tinh thần trách nhiệm, thái độ giao tiếp, ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức trong quá trình giải quyết công việc cho tổ chức, cá nhân và khảo sát sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp đối với cơ quan hành chính nhà nước các cấp trên địa bàn thành phố.

7. Bổ sung thêm khoản 9 Mục II Kế hoạch: Công tác kiểm tra, tuyên truyền cải cách hành chính

Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính, cải cách thủ tục hành chính; tuyên truyền, vận động cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp nộp hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính qua mạng.

Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra công vụ và xử lý sau kiểm tra, thanh tra: kiểm tra việc bổ sung hồ sơ, trả hồ sơ thủ tục hành chính của người dân từ hai (2) lần trở lên; kiểm tra công tác cải cách hành chính, việc chấp hành Quy định về Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động làm việc trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 67/2017/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện:

- Chủ trì, phối hợp triển khai các nhiệm vụ tại khoản 8 và 9 Mục II Kế hoạch được sửa đổi, bổ sung.

- Chủ động, phối hợp triển khai, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố triển khai và báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ trong Kế hoạch theo phạm vi, chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực, địa phương và theo nhiệm vụ được phân công tại Quyết định số 6119/QĐ-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố và Quyết định số 1250/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Giao Giám đốc Sở Nội vụ theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai thực hiện Kế hoạch tại các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các quận-huyện, phường, xã, thị trấn, định kỳ báo cáo kết quả triển khai thực hiện cho Ủy ban nhân dân thành phố theo quy định hoặc theo chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

Trong quá trình tổ chức thực hiện Kế hoạch này, nếu thấy cần sửa đổi, bổ sung

những nội dung cụ thể của Kế hoạch, đề nghị Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện có văn bản gửi về Sở Nội vụ để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định./.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Vĩnh Tuyền

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2422/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 6 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch bổ sung thực hiện công tác Cải cách hành chính trên địa bàn thành phố năm 2018

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 25/2012/QĐ-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Chương trình cải cách hành chính trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2011 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 6119/QĐ-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ X về Chương trình cải cách hành chính giai đoạn 2016 - 2020; Quyết định số 1250/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố về sửa đổi, bổ sung Quyết định số 6119/QĐ-UBND;

Căn cứ Quyết định số 2421/QĐ-UBND ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Kế hoạch bổ sung Chương trình cải cách hành chính của thành phố đến năm 2020 theo Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 15 tháng 3 năm 2018 của Hội đồng nhân dân thành phố;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1797/TTr-SNV ngày 18 tháng 5 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành Kế hoạch bổ sung thực hiện công tác Cải cách hành chính trên địa bàn thành phố năm 2018.

Điều 2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện,

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và nội dung tại Kế hoạch này để triển khai thực hiện có hiệu quả công tác cải cách hành chính trong năm 2018.

Điều 3. Quyết định này bổ sung Quyết định số 6506/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Kế hoạch thực hiện công tác Cải cách hành chính trên địa bàn thành phố năm 2018.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường, xã, thị trấn, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Vĩnh Tuyến

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

Bổ sung thực hiện công tác Cải cách hành chính trên địa bàn thành phố năm 2018

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2422/QĐ-UBND

ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

Để triển khai thực hiện Kế hoạch bổ sung Chương trình cải cách hành chính của thành phố đến năm 2020 theo Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 15 tháng 3 năm 2018 của Hội đồng nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch bổ sung thực hiện công tác Cải cách hành chính trên địa bàn thành phố năm 2018 với nội dung cụ thể như sau:

I. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Cải cách thể chế

- Ban hành các quyết định, quy định, đề án nhằm triển khai thực hiện Nghị quyết của Quốc hội, Hội đồng nhân dân thành phố về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố.

- Ban hành chỉ thị nâng cao chất lượng công tác ban hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố gắn với trách nhiệm của từng đơn vị soạn thảo, thẩm định, ban hành văn bản.

2. Cải cách thủ tục hành chính

- Nghiên cứu rà soát, đơn giản hóa đối với thủ tục hành chính/nhóm thủ tục hành chính về cấp phép đăng ký kinh doanh dịch vụ lưu trú, thành lập và đăng ký hoạt động trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp theo phương thức từ “tiền kiểm sang hậu kiểm” trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Xây dựng giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quy trình một cửa liên thông giải quyết thủ tục hành chính; giải pháp kiểm soát quy trình giải thích, hướng dẫn thủ tục để khắc phục tình trạng hồ sơ phải bổ sung nhiều lần; bổ sung ngoài thời gian pháp luật quy định.

3. Công tác tuyên truyền cải cách hành chính

Tăng cường tuyên truyền, vận động cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp nộp hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính qua mạng, nhất là đối với lĩnh vực đăng ký thành lập doanh nghiệp.

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện trong chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và theo sự phân công tại Kế hoạch thực hiện công tác cải cách hành chính trên địa bàn thành phố năm 2018 (ban hành kèm theo Quyết định số 6506/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố) chịu trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện nghiêm Kế hoạch này.

2. Giao Giám đốc Sở Nội vụ theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch tại các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các quận-huyện, định kỳ báo cáo kết quả triển khai thực hiện cho Ủy ban nhân dân thành phố theo quy định hoặc theo chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

Trong quá trình tổ chức thực hiện Kế hoạch này, nếu thấy cần sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể của Kế hoạch, các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện có văn bản gửi về Sở Nội vụ để tổng hợp trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Vĩnh Tuyến

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2500/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 6 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét,
công nhận và công bố huyện, xã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn
Thành phố Hồ Chí Minh, giai đoạn 2018 - 2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành tiêu chí huyện nông thôn mới và quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới;

Căn cứ Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 6182/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Bộ tiêu chí về nông thôn mới theo đặc thù vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 6183/QĐ-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt Đề án nâng cao chất lượng các tiêu chí xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn vùng nông thôn Thành phố

Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 3978/QĐ-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Bộ tiêu chí về Hộ gia đình - Ấp - Xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016 - 2020;

Xét đề nghị của Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố tại Tờ trình số 244/TTr-VPĐP-NV ngày 22 tháng 5 năm 2018 và ý kiến của Sở Tư pháp tại Công văn số 4210/STP-VP ngày 11 tháng 5 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố huyện, xã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, giai đoạn 2018 - 2020.

Điều 2. Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố chủ trì, phối hợp với các Sở, ban ngành liên quan, Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới các huyện, Ủy ban nhân dân các huyện, Ủy ban nhân dân các xã và Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới các xã triển khai thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở, ban ngành, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn liên quan thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, Trưởng Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, Trưởng Ban Quản lý Chương trình mục tiêu quốc gia xã và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

Lê Thanh Liêm

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Về điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố huyện, xã
đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh
giai đoạn 2018 - 2020**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2500/QĐ-UBND
ngày 12 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố huyện, xã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Các xã, huyện trên địa bàn thành phố;

b) Các cơ quan nhà nước, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có liên quan đến điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố huyện, xã đạt chuẩn nông thôn mới; hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2018 - 2020.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện.

1. Việc xét, công nhận, công bố huyện, xã đạt chuẩn nông thôn mới phải được thực hiện thường xuyên, liên tục hàng năm, đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ, minh bạch, đúng điều kiện, trình tự, thủ tục và phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Việc đánh giá, công nhận đạt từng tiêu chí trong Bộ tiêu chí về nông thôn mới theo đặc thù vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016 - 2020 (được

quy định tại Quyết định số 6182/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố) thực hiện theo quy định của thành phố, các Sở-ngành theo chức năng, nhiệm vụ tiến hành thẩm định, công nhận (thành viên Ban Chỉ đạo của Thành ủy về Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố).

Điều 3. Thẩm quyền xét, công nhận và công bố

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xét, công nhận và công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 tại Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Ủy ban nhân dân thành phố trình Thủ tướng Chính phủ xét, công nhận và công bố huyện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 tại Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 4. Điều kiện công nhận huyện, xã đạt chuẩn nông thôn mới

1. Xã đạt chuẩn nông thôn mới, phải đảm bảo các điều kiện tại Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ, cụ thể:

a) Có đăng ký xã đạt chuẩn nông thôn mới và được Ủy ban nhân dân huyện đưa vào kế hoạch thực hiện.

b) Có 100% tiêu chí thực hiện trên địa bàn xã đạt chuẩn theo quy định.

c) Không có nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới.

2. Huyện đạt chuẩn nông thôn mới, phải đảm bảo các điều kiện tại Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ, cụ thể:

a) Có đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới và được Ủy ban nhân dân thành phố đưa vào kế hoạch thực hiện;

b) Có 100% xã đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định;

c) Có 100% tiêu chí huyện nông thôn mới đạt chuẩn theo quy định;

d) Không có nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới;

e) Ngoài ra theo điều kiện đặc thù vùng nông thôn thành phố, Huyện đạt chuẩn nông thôn mới phải có xã hoàn thành Bộ tiêu chí về Hộ gia đình - Ấp - Xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh, giai

đoạn 2016 - 2020 (theo Quyết định số 3978/QĐ-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố).

Điều 5. Phương pháp xác định mức độ đạt chuẩn của từng tiêu chí để xét, công nhận huyện, xã đạt chuẩn nông thôn mới.

1. Mức độ đạt chuẩn của từng tiêu chí trên địa bàn xã để xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới trên cơ sở quy định tại Quyết định số 6182/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Bộ tiêu chí về nông thôn mới theo đặc thù vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016 - 2020.

2. Mức độ đạt chuẩn của từng tiêu chí trên địa bàn huyện để xét, công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới trên cơ sở quy định tại Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành tiêu chí huyện nông thôn mới và quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

Chương II

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC, HỒ SƠ XÉT, CÔNG NHẬN VÀ CÔNG BỐ XÃ ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI

Điều 6. Đăng ký xã đạt chuẩn nông thôn mới

1. Ủy ban nhân dân xã đăng ký công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới trước ngày 10 tháng 10 của năm liền kề trước năm đánh giá. Ủy ban nhân dân huyện chỉ đưa vào kế hoạch thực hiện đối với xã đã đạt chuẩn 14 tiêu chí trở lên tính đến thời điểm đăng ký và có đủ điều kiện phấn đấu đạt chuẩn trong năm đánh giá. Trường hợp xã chưa đăng ký công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới theo thời gian quy định trên, nếu thấy đủ điều kiện thì được đăng ký công nhận bổ sung trước ngày 15 tháng 6 của năm đánh giá.

2. Ủy ban nhân dân xã nộp trực tiếp hoặc gửi theo đường bưu điện văn bản đăng ký xã đạt chuẩn nông thôn mới (01 bản, theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này) đến Ủy ban nhân dân huyện.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được đăng ký của Ủy ban

nhân dân xã), Ủy ban nhân dân huyện trả lời bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân xã về kết quả đưa vào kế hoạch thực hiện xã đạt chuẩn nông thôn mới; nêu rõ lý do đối với xã chưa được đưa vào kế hoạch thực hiện xã đạt chuẩn nông thôn mới.

Điều 7. Công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới.

Trình tự, thủ tục công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, gồm các bước:

1. Ủy ban nhân dân xã tổ chức tự đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí đạt chuẩn nông thôn mới.
2. Ủy ban nhân dân huyện tổ chức thẩm tra, đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới.
3. Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức thẩm định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định công nhận, công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới.

Điều 8. Tổ chức tự đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới

1. Tổ chức tự đánh giá:

Ủy ban nhân dân xã thành lập Đoàn đánh giá (gồm các thành viên là đại diện Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã, các Ban Phát triển ấp) để đánh giá cụ thể thực tế mức độ đạt từng tiêu chí; Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã xây dựng báo cáo đánh giá mức độ đạt từng tiêu chí, báo cáo Ủy ban nhân dân xã.

2. Tổ chức lấy ý kiến:

a) Ủy ban nhân dân xã gửi báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí của xã để lấy ý kiến tham gia của Ủy ban Mặt trận tổ quốc xã và các tổ chức chính trị - xã hội của xã.

b) Báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí của xã được thông báo, công bố công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, nhà văn hóa xã, Văn phòng các ấp và trên hệ thống truyền thanh của xã trong thời gian 20 ngày để lấy ý kiến tham gia của nhân dân.

c) Ủy ban nhân dân xã bổ sung hoàn thiện báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí của xã sau khi nhận được ý kiến tham gia (bằng văn bản) của Ủy ban Mặt trận tổ quốc xã, các tổ chức chính trị - xã hội của xã và của nhân dân trên địa bàn.

3. Hoàn thiện hồ sơ:

a) Ủy ban nhân dân xã tổ chức họp (gồm các thành viên Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã, các Ban Phát triển ấp) thảo luận, bỏ phiếu đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới; hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, khi kết quả ý kiến nhất trí của các đại biểu tại cuộc họp phải đạt từ 90% trở lên, trình Ủy ban nhân dân huyện.

b) Hồ sơ đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, Ủy ban nhân dân xã nộp trực tiếp hoặc theo đường bưu điện để thẩm tra (01 bộ hồ sơ), gồm:

- Tờ trình của Ủy ban nhân dân xã về việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới (bản chính, theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này);

- Báo cáo kết quả xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã (bản chính, kèm theo biểu chi tiết kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này);

- Báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội của xã và nhân dân trong xã về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới của xã (bản chính, theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này);

- Biên bản cuộc họp (gồm các thành viên Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã, các Ban Phát triển ấp) đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới (bản chính, theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này);

- Báo cáo tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã (bản chính);

- Hình ảnh minh họa về kết quả xây dựng nông thôn mới của xã.

c) Đơn vị tiếp nhận hồ sơ: Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp huyện.

Điều 9. Tổ chức thẩm tra, đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới

1. Tổ chức thẩm tra:

a) Ủy ban nhân dân huyện thành lập Đoàn thẩm tra (gồm đại diện lãnh đạo Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp huyện và các thành viên là đại diện lãnh đạo các cơ quan chuyên môn cấp huyện được giao phụ trách các tiêu chí nông thôn mới) để thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế mức độ đạt từng tiêu chí của từng xã; Văn phòng

Điều phối nông thôn mới cấp huyện xây dựng báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt từng tiêu chí cho từng xã, báo cáo Ủy ban nhân dân huyện.

b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới của Ủy ban nhân dân xã), Ủy ban nhân dân huyện trả lời bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân xã về kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế mức độ đạt từng tiêu chí của từng xã; nêu rõ lý do xã chưa được đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới.

2. Tổ chức lấy ý kiến:

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp danh sách các xã đủ điều kiện đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới và công bố ít nhất 03 lần trên các phương tiện phát thanh, truyền hình (nếu có) và trang thông tin điện tử của huyện để lấy ý kiến nhân dân trên địa bàn huyện.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt từng tiêu chí cho từng xã để lấy ý kiến và tiếp thu ý kiến tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện, Ủy ban nhân dân các xã trên địa bàn huyện để hoàn thiện báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt từng tiêu chí cho từng xã đủ điều kiện đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới.

c) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện chủ trì, phối hợp Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã và các tổ chức chính trị - xã hội của xã tiến hành lấy ý kiến về sự hài lòng của người dân trên địa bàn xã đối với việc đề nghị công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới.

3. Hoàn thiện hồ sơ:

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức họp (gồm thành viên Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới cấp huyện và đại diện lãnh đạo các xã trên địa bàn huyện) thảo luận, bỏ phiếu đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới cho từng xã đã đủ điều kiện; hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới khi kết quả ý kiến nhất trí của các đại biểu tại cuộc họp phải đạt từ 90% trở lên và có từ 90% trở lên số hộ gia đình (trong tổng số hộ gia đình của xã được chọn khảo sát, lấy ý kiến) hài lòng, trình Ủy ban nhân dân thành phố.

b) Hồ sơ đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, Ủy ban nhân dân huyện nộp trực tiếp hoặc theo đường bưu điện để thẩm định (01 bộ hồ sơ), gồm:

- Tờ trình của Ủy ban nhân dân huyện đề nghị thẩm định, xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới (bản chính, theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này);

- Báo cáo về việc thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới cho từng xã (bản chính, kèm theo biểu chi tiết thẩm tra mức độ đạt từng tiêu chí nông thôn mới cho từng xã theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này);

- Báo cáo tổng hợp ý kiến của các cơ quan, tổ chức và nhân dân trên địa bàn huyện tham gia vào kết quả thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới cho từng xã (bản chính, theo Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này);

- Biên bản cuộc họp (gồm các thành viên Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện) đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới (bản chính, theo Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này);

- Báo cáo của Mặt trận Tổ quốc cấp huyện về kết quả lấy ý kiến về sự hài lòng của người dân trên địa bàn xã đối với việc công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới (bản chính);

(Kèm theo hồ sơ Ủy ban nhân dân xã nộp để thẩm tra được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 8 Quy định này).

c) Đơn vị tiếp nhận hồ sơ: Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố.

Điều 10. Tổ chức thẩm định, công nhận, công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới.

1. Tổ chức thẩm định:

a) Ủy ban nhân dân thành phố thành lập Đoàn thẩm định (gồm các thành viên là đại diện lãnh đạo Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố; lãnh đạo các Sở, ban, ngành thành phố được giao phụ trách các tiêu chí nông thôn mới) để thẩm định mức độ đạt từng tiêu chí của từng xã thuộc các huyện trên địa bàn thành phố; Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố xây dựng báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ và mức độ đạt từng tiêu chí nông thôn

mới cho từng xã của từng huyện (trên cơ sở văn bản của các Sở, ban, ngành thành phố đánh giá, xác nhận mức độ đạt các tiêu chí được giao phụ trách), báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố;

b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị xét, công nhận các xã đạt chuẩn nông thôn mới của Ủy ban nhân dân huyện), Ủy ban nhân dân thành phố sẽ trả lời bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân huyện, xã về kết quả thẩm định mức độ đạt từng tiêu chí nông thôn mới của từng xã trên địa bàn từng huyện; nêu rõ lý do xã chưa được xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới.

2. Tổ chức xét, công nhận:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thành lập Hội đồng thẩm định xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới (gọi tắt Hội đồng thẩm định) gồm đại diện lãnh đạo một số Sở, ban, ngành thành phố (thành viên Ban Chỉ đạo của Thành ủy về Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố) theo chức năng, nhiệm vụ tiến hành thẩm định, công nhận. Chủ tịch Hội đồng thẩm định là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phụ trách Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố.

b) Hội đồng thẩm định tổ chức họp, thảo luận, bỏ phiếu xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới cho từng xã (cuộc họp chỉ được tiến hành khi có từ 70% trở lên số thành viên Hội đồng có mặt); Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới khi kết quả ý kiến nhất trí của các thành viên Hội đồng thẩm định dự họp phải đạt từ 90% trở lên, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn thành phố theo đề xuất của Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố.

d) Mẫu bằng công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới

Mẫu Bằng công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới được ban hành theo Mẫu số 10 của Quy định này.

3. Công bố:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới và

công khai trên báo, đài phát thanh, truyền hình và trang thông tin điện tử của thành phố.

b) Thời hạn tổ chức công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới là không quá 60 ngày, kể từ ngày quyết định công nhận. Việc tổ chức công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới do Ủy ban nhân dân huyện thực hiện đảm bảo trang trọng, tiết kiệm, không phô trương.

Chương III

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC, HỒ SƠ XÉT, CÔNG NHẬN VÀ CÔNG BỐ HUYỆN ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI

Điều 11. Đăng ký huyện đạt chuẩn nông thôn mới.

1. Ủy ban nhân dân huyện đăng ký huyện đạt chuẩn nông thôn mới trước ngày 15 tháng 10 của năm liền kề trước năm đánh giá. Ủy ban nhân dân thành phố đưa vào kế hoạch thực hiện đối với huyện đã có 70% số xã đạt chuẩn, 30% số xã còn lại phải đạt chuẩn từ 14 tiêu chí trở lên (riêng đối với huyện, phải đạt ít nhất 06 tiêu chí huyện nông thôn mới tính đến thời điểm đăng ký và có đủ Điều kiện phân đầu đạt chuẩn trong năm đánh giá).

2. Ủy ban nhân dân huyện nộp trực tiếp hoặc gửi theo đường bưu điện văn bản đăng ký huyện đạt chuẩn nông thôn mới (01 bản, theo Mẫu số 11 đối với huyện tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này) đến Ủy ban nhân dân thành phố.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được đăng ký của Ủy ban nhân dân huyện), Ủy ban nhân dân thành phố sẽ trả lời bằng Văn bản cho Ủy ban nhân dân huyện về kết quả đưa vào kế hoạch thực hiện huyện đạt chuẩn nông thôn mới; nêu rõ lý do đối với huyện chưa được đưa vào kế hoạch thực hiện huyện đạt chuẩn nông thôn mới.

Điều 12. Công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới.

Trình tự, thủ tục công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới, gồm các bước:

1. Ủy ban nhân dân huyện tổ chức tự đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới.

2. Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức thẩm tra, đề nghị xét, công nhận huyện

đạt chuẩn nông thôn mới.

3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thẩm định hồ sơ, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới.

Điều 13. Tổ chức tự đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới.

1. Tổ chức tự đánh giá:

Ủy ban nhân dân huyện thành lập Đoàn đánh giá (gồm các thành viên là đại diện lãnh đạo Văn phòng Điều phối nông thôn mới huyện và đại diện lãnh đạo các phòng, ban, ngành phụ trách các tiêu chí nông thôn mới) để đánh giá thực tế mức độ đạt từng tiêu chí (theo quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ); Văn phòng Điều phối nông thôn mới huyện xây dựng báo cáo đánh giá mức độ đạt từng tiêu chí nông thôn mới của huyện, báo cáo Ủy ban nhân dân huyện.

2. Tổ chức lấy ý kiến:

a) Ủy ban nhân dân huyện gửi báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới để lấy ý kiến tham gia của Ủy ban Mặt trận tổ quốc huyện, các tổ chức chính trị - xã hội huyện để hoàn thiện báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới.

b) Báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới được công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng và trên cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân huyện trong thời gian 15 ngày để lấy ý kiến tham gia của các cơ quan, tổ chức và nhân dân trên địa bàn huyện.

c) Ủy ban nhân dân huyện bổ sung hoàn thiện báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới sau khi nhận được ý kiến tham gia (bằng văn bản) của Ủy ban Mặt trận tổ quốc cấp huyện, các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện, Ủy ban nhân dân các xã và nhân dân trên địa bàn huyện.

3. Hoàn thiện hồ sơ:

a) Ủy ban nhân dân huyện tổ chức họp (gồm các thành viên Ban Chỉ đạo các Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện và đại diện lãnh đạo Ủy ban nhân dân các xã trên địa bàn huyện) thảo luận, bỏ phiếu đề nghị xét, công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới; hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét, công nhận huyện đạt chuẩn nông

thôn mới, khi kết quả ý kiến nhất trí tại cuộc họp phải đạt từ 90% trở lên, trình Ủy ban nhân dân thành phố.

b) Hồ sơ đề nghị xét, công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới nộp trực tiếp hoặc theo đường bưu điện để thẩm tra (01 bộ hồ sơ), gồm:

- Tờ trình của Ủy ban nhân dân huyện đề nghị thẩm tra, xét công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới (bản chính, theo Mẫu số 12 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này);

- Tổng hợp danh sách các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn huyện (bản chính, theo Mẫu số 13 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này);

- Báo cáo kết quả xây dựng nông thôn mới của huyện (bản chính, kèm theo biểu chi tiết kết quả thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới theo Mẫu số 14 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này);

- Báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia của các cơ quan, tổ chức và nhân dân trên địa bàn huyện về kết quả thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới (bản chính, theo Mẫu số 15 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này);

- Biên bản cuộc họp (gồm các thành viên Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện, đại diện lãnh đạo Ủy ban nhân dân các xã trên địa bàn huyện) đề nghị xét, công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới (bản chính, theo Mẫu số 16 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này);

- Báo cáo tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện (bản chính);

- Hình ảnh minh họa kết quả xây dựng nông thôn mới của huyện.

c) Đơn vị tiếp nhận hồ sơ: Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố.

Điều 14. Tổ chức thẩm tra, đề nghị xét, công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới.

1. Tổ chức thẩm tra:

a) Ủy ban nhân dân thành phố thành lập Đoàn thẩm tra (gồm các thành viên là đại diện lãnh đạo Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố và đại diện lãnh đạo các Sở, ban, ngành thành phố được giao phụ trách các tiêu

chí nông thôn mới) để thẩm tra mức độ đạt các tiêu chí huyện nông thôn mới; Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố xây dựng báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt các tiêu chí huyện nông thôn mới.

b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị xét, công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới), Ủy ban nhân dân thành phố sẽ trả lời bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân huyện về kết quả thẩm tra hồ sơ; nêu rõ lý do huyện chưa được đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới.

2. Tổ chức lấy ý kiến:

a) Ủy ban nhân dân thành phố tổng hợp danh sách các huyện đủ điều kiện đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới và công bố ít nhất 03 lần trên các phương tiện phát thanh, truyền hình và đăng tải trên cổng thông tin điện tử của thành phố để lấy ý kiến nhân dân trên địa bàn thành phố.

b) Ủy ban nhân dân thành phố gửi báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ cho từng huyện để lấy ý kiến tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện trên địa bàn thành phố để hoàn thiện báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ cho từng huyện đủ điều kiện đề nghị xét, công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới.

c) Mặt trận tổ quốc thành phố chủ trì, phối hợp Mặt trận Tổ quốc huyện và các tổ chức chính trị - xã hội huyện tiến hành lấy ý kiến về sự hài lòng của người dân trên địa bàn huyện đối với việc đề nghị công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới.

3. Hoàn thiện hồ sơ:

a) Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức họp (gồm các thành viên Ban Chỉ đạo của Thành ủy về Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố) thảo luận, bỏ phiếu đề nghị xét, công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới; hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét, công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới, khi kết quả ý kiến nhất trí tại cuộc họp phải đạt từ 90% trở lên và có từ 90% trở lên số hộ gia đình, (trong tổng số hộ gia đình của huyện được chọn khảo sát, lấy ý kiến) hài lòng, gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

b) Hồ sơ đề nghị xét, công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới, Ủy ban nhân dân thành phố nộp trực tiếp hoặc theo đường bưu điện để thẩm định (01 bộ hồ sơ), gồm:

- Tờ trình của Ủy ban nhân dân thành phố đề nghị thẩm định, xét công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới (bản chính, theo Mẫu số 17 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này);

- Báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ cho từng huyện (bản chính, kèm theo biểu chi tiết thẩm tra mức độ đạt các tiêu chí huyện nông thôn mới theo Mẫu số 18 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này);

- Báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia của các cơ quan, tổ chức và nhân dân trên địa bàn thành phố về kết quả thẩm tra hồ sơ cho từng huyện (bản chính, theo Mẫu số 19 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này);

- Biên bản cuộc họp (gồm các thành viên Ban Chỉ đạo của Thành ủy về Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố) đề nghị xét, công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới (bản chính, theo Mẫu số 20 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này);

- Ý kiến đồng ý công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới (bằng văn bản) của các tổ chức chính trị - xã hội cấp thành phố và Ủy ban nhân dân các huyện; văn bản đánh giá mức độ đạt tiêu chí của các Sở, ban, ngành được giao phụ trách các tiêu chí nông thôn mới;

- Báo cáo của Ủy ban Mặt trận tổ quốc thành phố về kết quả lấy ý kiến về sự hài lòng của người dân trên địa bàn huyện (bản chính).

(Kèm theo hồ sơ Ủy ban nhân dân huyện nộp để thẩm tra được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 13 Quy định này).

c) Đơn vị tiếp nhận hồ sơ: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương).

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Khen thưởng, kinh phí

1. Hàng năm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định khen thưởng huyện, xã đạt chuẩn nông thôn mới theo Kế hoạch số 7693/KH-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố về tổ chức thực hiện

phong trào thi đua “Cả thành phố chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2016 - 2020 và quy định hiện hành.

2. Hàng năm, Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định khen thưởng huyện, xã đạt chuẩn nông thôn mới theo Quyết định số 1730/QĐ-TTg ngày 05 tháng 9 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành kế hoạch thực hiện phong trào thi đua "Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới" giai đoạn 2016 - 2020 và quy định hiện hành.

3. Kinh phí thực hiện thẩm định hồ sơ để xem xét, công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới (bao gồm: họp, kiểm tra, đánh giá thực địa, khảo sát lấy ý kiến về sự hài lòng của người dân,...) do ngân sách nhà nước đảm bảo hàng năm.

Điều 16. Trách nhiệm thi hành

1. Giao Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố tiếp nhận hồ sơ và chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan hoàn thiện thủ tục thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định công nhận và công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới; tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố hoàn thiện hồ sơ đề nghị thẩm định, xét công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới.

2. Giao các Sở, ban, ngành, đoàn thể theo phân công của Ban Chỉ đạo của Thành ủy về Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố và Ủy ban nhân dân thành phố, căn cứ, chức năng, nhiệm vụ của đơn vị hướng dẫn chi tiết việc đánh giá, công nhận đạt chuẩn đối với từng tiêu chí trên địa bàn huyện, xã (chú ý: hướng dẫn chi tiết các tiêu chí có nội dung theo đặc thù vùng nông thôn thành phố theo Quyết định số 6182/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2016 - các nội dung còn lại thực hiện theo đúng quy định), làm cơ sở cho việc đánh giá công nhận xã, huyện đạt chuẩn nông thôn mới.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc thành phố hướng dẫn nội dung, cách thức, quy trình lấy ý kiến về sự hài lòng của người dân đối với kết quả xây dựng nông thôn mới ở huyện, xã; cơ quan thành phố của các tổ chức chính trị - xã hội đẩy mạnh chỉ đạo các tổ chức cấp dưới tích cực tham gia phản biện, góp ý kết quả xây dựng nông thôn mới ở địa phương.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh hoặc khó khăn, vướng mắc,

các huyện, xã kiến nghị với Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố đề nghiên cứu, xem xét trình Ủy ban nhân dân thành phố sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

Lê Thanh Liêm

PHỤ LỤC
CÁC MẪU CỦA HỒ SƠ XÉT, CÔNG NHẬN VÀ CÔNG BỐ
HUYỆN, XÃ ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI TRÊN ĐỊA BÀN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

(Kèm theo Quy định tại Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Mẫu số 01

ỦY BAN NHÂN DÂN

XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /UBND-....

....., ngày tháng năm

V/v đăng ký “Xã đạt chuẩn nông thôn mới” năm

Kính gửi: UBND huyện

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của thành phố);

Tính đến tháng năm, xã có số tiêu chí nông thôn mới đã đạt chuẩn theo quy định là/ (tổng số) tiêu chí, đạt% (đảm bảo yêu cầu so với quy định tại Quyết định số/QĐ-UBND ngày tháng năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố huyện, xã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016 - 2020) và có đủ điều kiện phấn đấu xã đạt chuẩn nông thôn mới trong năm

Trên cơ sở khối lượng và tiến độ thực hiện hoàn thành các tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn xã, Ủy ban nhân dân xã đăng ký và cam kết thực hiện hoàn thành các tiêu chí nông thôn mới theo quy định trong năm để được công nhận “Xã đạt chuẩn nông thôn mới” năm

Kính đề nghị Ủy ban nhân dân huyện xem xét, đưa vào kế hoạch chỉ đạo thực hiện./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 02**ỦY BAN NHÂN DÂN****XÃ**

Số:/TTr-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm 20...

TỜ TRÌNH**Về việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận xã
đạt chuẩn nông thôn mới năm**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của thành phố);

Căn cứ Quyết định phê duyệt Đề án xây dựng nông thôn mới của xã và Báo cáo số/BC-UBND ngày .../.../20... của UBND xã về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn xã.....;

Căn cứ Biên bản cuộc họp ngày/...../20..... của UBND xã đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới

UBND xã kính trình UBND huyện thẩm tra, đề nghị xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới năm

Hồ sơ kèm theo Tờ trình, gồm có:

1. Báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn xã (bản chính, kèm theo biểu chi tiết kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới).

2. Báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội của xã và nhân dân trong xã về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới của xã (bản chính).

3. Biên bản cuộc họp đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới (bản chính).

4. Báo cáo tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã (bản chính);

5. Hình ảnh minh họa về kết quả xây dựng nông thôn mới của xã.

Kính đề nghị UBND huyện xem xét, thẩm tra./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**CHỦ TỊCH***(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)***Nơi nhận:**

- Như trên;

-

-

- Lưu: VT,

Mẫu số 03

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-UBND

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO

Kết quả xây dựng nông thôn mới năm
của xã, huyện

I. Đặc điểm tình hình chung

1. Nêu tóm tắt về Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của xã:
2. Thuận lợi:
3. Khó khăn:

II. Căn cứ triển khai thực hiện

Căn cứ các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương và của địa phương.

III. Kết quả chỉ đạo thực hiện xây dựng nông thôn mới

1. Công tác chỉ đạo, Điều hành

2. Công tác truyền thông, đào tạo, tập huấn

- a) Công tác truyền thông.
- b) Công tác đào tạo, tập huấn.

3. Công tác chỉ đạo phát triển sản xuất, ngành nghề, nâng cao thu nhập cho người dân

- a) Công tác phát triển sản xuất nông nghiệp.
- b) Công tác phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề nông thôn.

- c) Kết quả nâng cao thu nhập, giảm nghèo cho người dân.

4. Kết quả huy động nguồn lực xây dựng nông thôn mới

Tổng kinh phí đã thực hiện: triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương triệu đồng, chiếm %;
- Ngân sách thành phố triệu đồng, chiếm %;
- Ngân sách huyện triệu đồng, chiếm %;
- Ngân sách xã triệu đồng, chiếm %;

- Vốn vay tín dụng triệu đồng, chiếm%;
- Doanh nghiệp triệu đồng, chiếm %;
- Nhân dân đóng góp triệu đồng, chiếm %.

IV. Kết quả thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới

Tổng số tiêu chí xã tổ chức tự đánh giá đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định là/ (tổng số) tiêu chí, đạt %, cụ thể

1. Tiêu chí số về

a) Yêu cầu của tiêu chí:

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực

hiện:.....;

- Các nội dung đã thực

hiện:.....;

- Khối lượng thực

hiện:.....;

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): triệu đồng.

c) Tự đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí (trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu của tiêu chí).

2. Tiêu chí số về

a) Yêu cầu của tiêu chí:

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực

hiện:.....;

- Các nội dung đã thực hiện:

.....;

- Khối lượng thực hiện:

.....;

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): triệu đồng.

c) Tự đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí (trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu của tiêu chí).

3. Tiêu chí số về

.....
.....

19. Tiêu chí số về

V. Đánh giá chung

1. Những mặt đã làm được
2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân
3. Bài học kinh nghiệm

VI. Kế hoạch nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới

1. Quan điểm
2. Mục tiêu
3. Nội dung nâng chất các tiêu chí nông thôn mới

Nơi nhận:

- Như trên;
-
-
- Lưu: VT,

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN
CÁC TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI**

Xã, huyện

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày / /20..... của UBND xã)

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn	Kết quả thực hiện	Kết quả tự đánh giá của xã
I. QUY HOẠCH				
1. Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và được công bố công khai đúng thời hạn	Đạt		
	1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch	Đạt		
II. HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI				
2. Giao thông	2.1. Tỷ lệ km đường trục xã, liên xã được bê tông hóa đạt chuẩn	100%		
	2.2. Tỷ lệ km đường trục ấp, liên ấp, trục tổ được nhựa hóa hay bê tông xi măng	100%		
	2.3. Tỷ lệ km đường tổ, hẻm được nhựa hóa hay bê tông xi măng	100%		
	2.4. Tỷ lệ km đường trục chính nội đồng được cấp phối xe cơ giới đi lại thuận tiện	100%		
3. Thủy lợi	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên	Đạt		
	3.2. Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định phòng chống thiên tai tại chỗ	Đạt		
4. Điện	4.1. Hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện	Đạt		
	4.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	100%		
5. Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia	100%		

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn	Kết quả thực hiện	Kết quả tự đánh giá của xã
6. Cơ sở vật chất văn hóa	6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã	Đạt		
	6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định	Đạt		
	6.3. Tỷ lệ ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng	100%		
7. Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa	Đạt		
8. Thông tin và Truyền thông	8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính	Đạt		
	8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet	Đạt		
	8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các ấp	Đạt		
	8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành	Đạt		
9. Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm, dột nát	Không		
	9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn Bộ Xây dựng.	≥98%		
III. KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT				
10. Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đến năm 2020 (triệu đồng/người)	≥ 63 triệu đồng/người/		

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn	Kết quả thực hiện	Kết quả tự đánh giá của xã
		năm		
11. Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020	Mỗi năm giảm bình quân 1%		
12. Lao động có việc làm	Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động	≥95%		
13. Tổ chức sản xuất	13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012	Đạt		
	13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững	Đạt		
IV. VĂN HÓA - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG				
14. Giáo dục và Đào tạo	14.1. Phổ cập giáo dục trung học cơ sở	Đạt		
	14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề)	> 90%		
	14.3. Tỷ lệ LĐ qua đào tạo	85%		
	14.4. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi.	Đạt		
	14.5. Xóa mù chữ	Đạt		
	14.6. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo	≥ 80%		
15. Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	≥95%		
	15.2. Y tế xã đạt chuẩn quốc gia	Đạt		

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn	Kết quả thực hiện	Kết quả tự đánh giá của xã
	15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	$\leq 14,3\%$		
16. Văn hóa	Xã có từ 70% số thôn (ấp) trở lên đạt tiêu chuẩn thôn (ấp) VH theo quy định của Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch.	Đạt		
17. Môi trường và an toàn thực phẩm	17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn Quốc gia	100%		
	17.2. Các cơ sở SX-KD đạt tiêu chuẩn về môi trường. Các làng nghề đạt tiêu chuẩn về môi trường	100%.		
	17.3. Không có các hoạt động suy giảm môi trường và có các hoạt động phát triển môi trường xanh, sạch, đẹp	Đạt		
	17.4. Nghĩa trang được xây dựng theo quy hoạch	Đạt		
	17.5. Chất thải, nước thải được thu gom và xử lý theo quy định	Đạt		
	17.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	$\geq 90\%$		
	17.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường	$\geq 80\%$		
	17.8. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%		
V. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ				
18. Hệ thống chính	18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn; Có công chức xã chuyên trách về xây dựng nông thôn mới	Đạt		

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn	Kết quả thực hiện	Kết quả tự đánh giá của xã
trị và tiếp cận pháp luật	18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định	Đạt		
	18.3. Đảng bộ xã hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	Đạt		
	18.4. Chính quyền xã đạt danh hiệu tập thể lao động tiên tiến trở lên	Đạt		
	18.5. Các tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt danh hiệu tiên tiến	100%		
	18.6. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định	Đạt		
	18.7. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội	Đạt		
19. Quốc phòng và An ninh	19.1. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng	Đạt		
	19.2. Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước	Đạt		

Mẫu số 04

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-UBND

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO

**Tổng hợp ý kiến tham gia vào kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới năm
..... của xã, huyện**

I. Tóm tắt quá trình UBND xã tổ chức lấy ý kiến tham gia

-

II. Kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới của xã

Tổng số tiêu chí xã tổ chức tự đánh giá đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định tính đến năm..... là/ (tổng số) tiêu chí, đạt%.

III. Ý kiến tham gia vào kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn xã**1. Ý kiến tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội của xã**

- Hình thức tham gia ý kiến:

- Ý kiến tham gia:

- Đề xuất, kiến nghị (nếu có):.....

2. Ý kiến tham gia của các tổ chức khác trên địa bàn xã (các tổ chức xã hội, doanh nghiệp, hợp tác xã,)

- Hình thức tham gia ý kiến:

- Ý kiến tham gia:

- Đề xuất, kiến nghị (nếu có):

3. Ý kiến tham gia của nhân dân trên địa bàn xã

- Ý kiến tham gia:

- Đề xuất, kiến nghị (nếu có):

IV. Kết quả tiếp thu ý kiến tham gia, giải trình của UBND xã

-

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Nơi nhận:

-;
-;
-;
- Lưu: VT,

Mẫu số 05

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ.....
-----CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

BIÊN BẢN**Họp đề nghị xét, công nhận xã
đạt chuẩn nông thôn mới năm**

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của thành phố);

Căn cứ Báo cáo số ngày/...../..... của UBND xã về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn xã và Báo cáo ngày/...../..... của UBND xã tổng hợp ý kiến tham gia của các tổ chức, đoàn thể xã và nhân dân trong xã về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới của xã,

Hôm nay, vào hồi giờ phút ngày/...../..... tại, UBND xã, huyện tổ chức họp đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, cụ thể như sau:

I. THÀNH PHẦN THAM GIA CUỘC HỌP, GỒM CÓ:

- Ông (bà): - Chức vụ, đơn vị công tác - Chủ trì cuộc họp;

- Ông (bà): - Chức vụ, đơn vị công tác;

-

- Ông (bà): - Chức vụ, đơn vị công tác - Thư ký cuộc họp.

II. NỘI DUNG CUỘC HỌP

1. UBND xã báo cáo kết quả tự đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới của xã; tổng hợp báo cáo tham gia ý kiến của các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân trong xã về kết quả xây dựng nông thôn mới của xã.

2. Ý kiến phát biểu thảo luận của các thành viên tham dự cuộc họp về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn xã.

-

-

3. Kết quả bỏ phiếu: số thành viên tham dự cuộc họp nhất trí đề nghị xét,

công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới năm là/tổng số thành viên tham dự cuộc họp, đạt%.

Biên bản kết thúc hội giờ phút ngày/...../....., đã thông qua cho các thành viên tham dự cuộc họp cùng nghe và nhất trí%.

Biên bản này được lập thành bản có giá trị pháp lý như nhau: UBND xã lưu bản; để làm hồ sơ đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới gửi UBND huyện bản./.

THƯ KÝ CUỘC HỌP

(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ TRÌ CUỘC HỌP

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 06**ỦY BAN NHÂN DÂN**

.....

Số:/TTr-UBND

....., ngày tháng năm 20.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**TỜ TRÌNH****Về việc thẩm định, xét, công nhận xã
đạt chuẩn nông thôn mới năm**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân thành phố

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của thành phố);

Căn cứ Báo cáo số/BC-UBND ngày/...../20..... của UBND huyện về thẩm tra hồ sơ và kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới cho xã

Căn cứ Biên bản cuộc họp ngày/...../20.... của UBND huyện đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới,

UBND huyện kính trình UBND thành phố thẩm định, xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới năm

Hồ sơ kèm theo Tờ trình, gồm có:

1. Báo cáo thẩm tra hồ sơ và kết quả đạt từng tiêu chí nông thôn mới đối với xã (bản chính, kèm theo biểu chi tiết thẩm tra mức độ đạt từng tiêu chí nông thôn mới của xã);

2. Báo cáo tổng hợp ý kiến của các cơ quan, tổ chức và nhân dân trên địa bàn huyện tham gia vào kết quả thẩm tra mức độ đạt từng tiêu chí nông thôn mới của xã (bản chính);

3. Biên bản cuộc họp đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới (bản chính).

4. Báo cáo của Mặt trận Tổ quốc cấp huyện về kết quả lấy ý kiến về sự hài lòng của người dân trên địa bàn xã đối với việc công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới

(Kèm theo bộ hồ sơ của UBND xã trình UBND cấp huyện thẩm tra)

Kính đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, thẩm định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**CHỦ TỊCH**

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Nơi nhận:

- Như trên;

-

- Lưu: VT.

Mẫu số 07**ỦY BAN NHÂN DÂN**.....
-----**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BC-UBND

....., ngày tháng năm 20....

BÁO CÁO**Về việc thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn
nông thôn mới cho xã năm**

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của thành phố);

Căn cứ đề nghị của UBND xã tại Tờ trình số/TTr-UBND
ngày/...../..... về việc thẩm tra, xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới
nămCăn cứ kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế mức độ đạt từng tiêu chí
nông thôn mới trên địa bàn xã, UBND huyện báo cáo kết quả thẩm tra
hồ sơ và thực hiện các tiêu chí nông thôn mới cho xã năm cụ thể
như sau:**I. KẾT QUẢ THẨM TRA**

Thời gian thẩm tra (từ ngày .../.../.... đến ngày/...../.....):

1. Về hồ sơ**2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới**

2.1. Tiêu chí số về

a) Yêu cầu của tiêu chí:

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

- Các nội dung đã thực hiện:

- Khối lượng thực hiện:

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): triệu đồng.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí (trên cơ sở kết quả
thẩm tra so với yêu cầu của tiêu chí).

2. Tiêu chí số về

a) Yêu cầu của tiêu chí:

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

- Các nội dung đã thực hiện:

- Khối lượng thực hiện:

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): triệu đồng.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí (trên cơ sở kết quả thẩm tra so với yêu cầu của tiêu chí).

Tiêu chí số về

3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới

-

II. KẾT LUẬN

1. Về hồ sơ

2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới

- Tổng số tiêu chí nông thôn mới của xã đã được UBND huyện thẩm tra đạt chuẩn nông thôn mới tính đến thời điểm thẩm tra là:/19 tiêu chí, đạt%.

-

3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới

-

III. KIẾN NGHỊ

.....

Nơi nhận:

-

-

-

- Lưu: VT,

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM TRA
CÁC TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI**

của xã, huyện

(Kèm theo Báo cáo số: /BC- UBND ngày / /20.... của UBND huyện.....)

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn	Kết quả thực hiện	Kết quả tự đánh giá của xã
I. QUY HOẠCH				
1. Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và được công bố công khai đúng thời hạn	Đạt		
	1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch	Đạt		
II. HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI				
2. Giao thông	2.1. Tỷ lệ km đường trục xã, liên xã được bê tông hóa đạt chuẩn	100%		
	2.2. Tỷ lệ km đường trục ấp, liên ấp, trục tổ được nhựa hóa hay bê tông xi măng	100%		
	2.3. Tỷ lệ km đường tổ, hẻm được nhựa hóa hay bê tông xi măng	100%		
	2.4. Tỷ lệ km đường trục chính nội đồng được cấp phối xe cơ giới đi lại thuận tiện	100%		
3. Thủy lợi	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên	Đạt		
	3.2. Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định phòng chống thiên tai tại chỗ	Đạt		
4. Điện	4.1. Hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện	Đạt		
	4.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	100%		

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn	Kết quả thực hiện	Kết quả tự đánh giá của xã
5. Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia	100%		
6. Cơ sở vật chất văn hóa	6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã	Đạt		
	6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định	Đạt		
	6.3. Tỷ lệ ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng	100%		
7. Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa	Đạt		
8. Thông tin và Truyền thông	8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính	Đạt		
	8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet	Đạt		
	8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các ấp	Đạt		
	8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành	Đạt		
9. Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm, dột nát	Không		
	9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn Bộ Xây dựng.	≥98%		

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn	Kết quả thực hiện	Kết quả tự đánh giá của xã
III. KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT				
10. Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đến năm 2020 (triệu đồng/người)	≥ 63 triệu đồng/người/năm		
11. Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020	Mỗi năm giảm bình quân 1%		
12. Lao động có việc làm	Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động	$\geq 95\%$		
13. Tổ chức sản xuất	13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012	Đạt		
	13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững	Đạt		
IV. VĂN HÓA - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG				
14. Giáo dục và Đào tạo	14.1. Phổ cập giáo dục trung học cơ sở	Đạt		
	14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề)	$> 90\%$		
	14.3. Tỷ lệ LĐ qua đào tạo	85%		
	14.4. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi.	Đạt		
	14.5. Xóa mù chữ	Đạt		
	14.6. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo	$\geq 80\%$		
15. Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	$\geq 95\%$		

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn	Kết quả thực hiện	Kết quả tự đánh giá của xã
	15.2. Y tế xã đạt chuẩn quốc gia	Đạt		
	15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	≤14,3%		
16. Văn hóa	Xã có từ 70% số thôn (ấp) trở lên đạt tiêu chuẩn thôn (ấp) VH theo quy định của Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch.	Đạt		
17. Môi trường và an toàn thực phẩm	17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn Quốc gia	100%		
	17.2. Các cơ sở SX-KD đạt tiêu chuẩn về môi trường. Các làng nghề đạt tiêu chuẩn về môi trường	100%.		
	17.3. Không có các hoạt động suy giảm môi trường và có các hoạt động phát triển môi trường xanh, sạch, đẹp	Đạt		
	17.4. Nghĩa trang được xây dựng theo quy hoạch	Đạt		
	17.5. Chất thải, nước thải được thu gom và xử lý theo quy định	Đạt		
	17.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	≥90%		
	17.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường	≥80%		
	17.8. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%		
V. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ				

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn	Kết quả thực hiện	Kết quả tự đánh giá của xã
18. Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn; Có công chức xã chuyên trách về xây dựng nông thôn mới	Đạt		
	18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định	Đạt		
	18.3. Đảng bộ xã hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	Đạt		
	18.4. Chính quyền xã đạt danh hiệu tập thể lao động tiên tiến trở lên	Đạt		
	18.5. Các tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt danh hiệu tiên tiến	100%		
	18.6. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định	Đạt		
	18.7. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội	Đạt		
19. Quốc phòng và An ninh	19.1. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng	Đạt		
	19.2. Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước	Đạt		

Mẫu số 08**ỦY BAN NHÂN DÂN**.....
-----**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BC-UBND

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO**Tổng hợp ý kiến tham gia vào kết quả thẩm tra hồ sơ đề nghị xét,
công nhận đạt chuẩn nông thôn mới năm cho xã, huyện**.....
-----**I. Tóm tắt quá trình UBND huyện tổ chức lấy ý kiến tham gia**

-

-

II. Ý kiến tham gia vào kết quả thẩm tra các tiêu chí nông thôn mới cho**xã**

1. Ý kiến tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn huyện

- Hình thức tham gia ý kiến:

- Ý kiến tham gia:

- Đề xuất, kiến nghị (nếu có):

2. Ý kiến tham gia của UBND các xã trên địa bàn huyện

- Hình thức tham gia ý kiến:

- Ý kiến tham gia:

- Đề xuất, kiến nghị (nếu có):

3. Ý kiến tham gia của nhân dân trên địa bàn huyện (nếu có)

- Hình thức tham gia ý kiến:

- Ý kiến tham gia:

- Đề xuất, kiến nghị (nếu có):

III. Kết quả tiếp thu ý kiến tham gia, giải trình của UBND huyện

-

-

Nơi nhận:

-

- Lưu: VT,

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**CHỦ TỊCH***(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

Mẫu số 09**ỦY BAN NHÂN DÂN**.....
-----**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

BIÊN BẢN**Họp đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới năm**

.....

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của thành phố);

Căn cứ Báo cáo số ngày .../.../..... của UBND huyện về thẩm tra hồ sơ và kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới cho xã năm và Báo cáo ngày .../.../..... của UBND huyện tổng hợp ý kiến tham gia về kết quả thẩm tra các tiêu chí nông thôn mới năm cho xã

Hôm nay, vào hồi giờ phút ngày/...../..... tại, UBND huyện tổ chức họp đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, cụ thể như sau:

I. THÀNH PHẦN THAM GIA CUỘC HỌP, GỒM CÓ:

- Ông (bà): - Chức vụ, đơn vị công tác - Chủ trì cuộc họp;

- Ông (bà): - Chức vụ, đơn vị công tác;

-

- Ông (bà): - Chức vụ, đơn vị công tác - Thư ký cuộc họp.

II. NỘI DUNG CUỘC HỌP

1. UBND huyện trình bày Báo cáo thẩm tra hồ sơ và kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới của xã; Báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia về kết quả thẩm tra các tiêu chí nông thôn mới năm của xã

2. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện trình bày Báo cáo về kết quả lấy ý kiến về sự hài lòng của người dân trên địa bàn xã đối với việc công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới.

3. Ý kiến phát biểu thảo luận của các thành viên tham dự cuộc họp về đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới.

-

4. Kết quả bỏ phiếu: số thành viên tham dự cuộc họp nhất trí đề nghị xét,

công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới năm là /tổng số thành viên tham dự cuộc họp, đạt%.

Biên bản kết thúc hội giờ phút ngày//, đã thông qua cho các thành viên tham dự cuộc họp cùng nghe và nhất trí%.

Biên bản này được lập thành bản có giá trị pháp lý như nhau: UBND huyện lưu bản; để làm hồ sơ đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới gửi UBND thành phố Hồ Chí Minh bản./.

THƯ KÝ CUỘC HỌP

(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ TRÌ CUỘC HỌP

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 10**MẪU BẢNG CÔNG NHẬN XÃ ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI**

(Quốc huy)	
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc -----	
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	
CÔNG NHẬN	
Xã, huyện, thành phố Hồ Chí Minh	
Đạt chuẩn nông thôn mới năm	
Quyết định số:/QĐ-UBND ngày .../.../....., ngày tháng năm CHỦ TỊCH
Vào Sổ số:/QĐ-UBND	

Yêu cầu:**1. Kích thước:**

- Chiều dài: 640 mm, chiều rộng: 480 mm.
- Hoa văn bên trong: chiều dài 625 mm, chiều rộng 355 mm.

2. Chất liệu và định lượng: Giấy trắng, định lượng: 150g/m².

3. Hình thức: Xung quanh trang trí hoa văn màu, chính giữa phía trên in Quốc huy nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1).

4. Nội dung:

- Dòng 1, 2: Quốc huy, Quốc hiệu (2)

Khoảng trống

- Dòng 3: Thẩm quyền công nhận (3)
- Dòng 4: Công nhận (4)

- Dòng 5: Tên xã, huyện, thành phố (5)
- Dòng 6: Đạt chuẩn nông thôn mới năm... (6)

Khoảng trống

- Dòng 7:
 - + Bên trái: Quyết định số, ngày, tháng, năm (7)
 - + Bên phải: Địa danh, ngày, tháng, năm (8)

- Dòng 8:

- + Bên trái: Số sổ vàng (9)
- + Bên phải: Thẩm quyền ký (10) :

Khoảng trống (3,5 cm): chữ ký, dấu

- Dòng 9: Họ và tên người ký quyết định (11)

Ghi chú:

- (1): In hình Quốc huy.
- (2): Quốc hiệu:
 - + Dòng chữ: "Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam" (chữ in đậm, màu đen).
 - + Dòng chữ: "Độc lập - Tự do - Hạnh phúc" (chữ thường, đậm, màu đen),
- (3): Thẩm quyền quyết định: (chữ in, màu đỏ).
- (4): Chữ in, màu đen.
- (5): Chữ in, màu đỏ.
- (6), (7), (8), (9): Chữ thường, màu đen.
- (10): Chữ in, màu đen.
- (11): Chữ thường, màu đen.
- Cỡ chữ trong nội dung, đơn vị tự quy định cho phù hợp, đảm bảo hình thức đẹp, trang trọng.

Mẫu số 11

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-.....

....., ngày tháng năm

V/v đăng ký “Huyện đạt chuẩn
nông thôn mới” năm

Kính gửi: Ủy ban nhân dân thành phố

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);

Tính đến tháng năm, huyện có số xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới là/ (tổng số) xã, đạt%; có tiêu chí huyện nông thôn mới đã đạt chuẩn theo quy định (*đảm bảo yêu cầu so với quy định tại Quyết định số/QĐ-TTg ngày tháng năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy định trình tự, thủ tục, hồ sơ xét công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020*) và có đủ Điều kiện phấn đấu huyện đạt chuẩn nông thôn mới trong năm

Trên cơ sở khối lượng và tiến độ thực hiện hoàn thành các tiêu chí huyện nông thôn mới trên địa bàn huyện, Ủy ban nhân dân huyện đăng ký và cam kết thực hiện hoàn thành các tiêu chí nông thôn mới theo quy định trong năm để được công nhận “Huyện đạt chuẩn nông thôn mới” năm

Kính đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, đưa vào kế hoạch chỉ đạo thực hiện./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 12**ỦY BAN NHÂN DÂN**.....
-----**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/TTr-UBND

....., ngày tháng năm 20.....

TỜ TRÌNH**Về việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận huyện..... đạt chuẩn
xây dựng nông thôn mới năm**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân thành phố

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của thành phố);

Căn cứ Báo cáo số/BC-UBND ngày/...../20..... của UBND huyện... về kết quả xây dựng nông thôn mới và thực hiện các tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn huyện...;

Căn cứ Biên bản cuộc họp ngày/...../20..... của UBND huyện đề nghị xét, công nhận huyện.. đạt chuẩn xây dựng nông thôn mới,

UBND huyện kính trình UBND thành phố thẩm tra, đề nghị xét, công nhận huyện.... đạt chuẩn xây dựng nông thôn mới năm

Hồ sơ kèm theo Tờ trình, gồm có:

1. Tổng hợp danh sách các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn huyện... (bản chính);

2. Báo cáo kết quả xây dựng nông thôn mới và thực hiện các tiêu chí nông thôn mới (bản chính, kèm theo biểu chi tiết kết quả thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới đối với huyện);

3. Báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia của các cơ quan, tổ chức và nhân dân trên địa bàn huyện... về kết quả xây dựng nông thôn mới và thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới (bản chính).

4. Biên bản cuộc họp đề nghị xét công nhận huyện... đạt chuẩn... xây dựng nông thôn mới (bản chính);

5. Báo cáo tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện.....(bản chính);

6. Hình ảnh minh họa kết quả xây dựng nông thôn mới của huyện.....

Kính đề nghị UBND thành phố xem xét, thẩm tra./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Nơi nhận:

- Như trên;

-

- Lưu: VT.

Mẫu số 13**ỦY BAN NHÂN DÂN**

.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm 20.....

DANH SÁCH CÁC XÃ ĐÃ ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI
(thuộc huyện)

TT	Tên xã đã đạt chuẩn nông thôn mới	Năm được công nhận	Số, ký hiệu, ngày tháng của Quyết định công nhận	Cấp ban hành Quyết định	Trích yếu nội dung Quyết định	Năm công bố xã đạt chuẩn NTM	Ghi chú
	Xã						
	Xã						
						
						
	Tổng số: xã đạt chuẩn/tổng số xã thuộc huyện, đạt....%						

NGƯỜI LẬP DANH SÁCH*(Ký, ghi rõ họ tên)***TM. ỦY BAN NHÂN DÂN****CHỦ TỊCH***(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

Mẫu số 14

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-UBND

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO

Kết quả xây dựng nông thôn mới năm
của huyện

I. Đặc điểm tình hình chung

1. Nêu tóm tắt về Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của huyện....
2. Thuận lợi:.....
3. Khó khăn:.....

II. Căn cứ triển khai thực hiện xây dựng huyện nông thôn mới

Căn cứ các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương và của địa phương.

III. Kết quả chỉ đạo thực hiện xây dựng huyện nông thôn mới**1. Công tác chỉ đạo, Điều hành****2. Công tác truyền thông, đào tạo, tập huấn**

- a) Công tác truyền thông.
- b) Công tác đào tạo, tập huấn.

3. Kết quả huy động nguồn lực xây dựng nông thôn mới trên địa bàn

huyện

Tổng kinh phí đã thực hiện: triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương triệu đồng, chiếm %;
- Ngân sách thành phố..... triệu đồng, chiếm %;
- Ngân sách huyện triệu đồng, chiếm %;
- Ngân sách xã triệu đồng, chiếm %;
- Vốn vay tín dụng triệu đồng, chiếm %;
- Doanh nghiệp triệu đồng, chiếm %;
- Nhân dân đóng góp triệu đồng, chiếm %.

IV. Kết quả xây dựng nông thôn mới của huyện

1. Số xã đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định:

- Tổng số xã trên địa bàn huyện:
- Số xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới:
- Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới:

2. Một số kết quả chủ yếu xây dựng nông thôn mới của các xã:

2.1. Công tác lập quy hoạch và tổ chức thực hiện quy hoạch

2.2. Xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu:

- Về giao thông:
- Về thủy lợi:
- Về trường học:
- Về cơ sở vật chất văn hóa:
- Về chợ nông thôn...

2.3. Phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân:

- Về nông, lâm nghiệp, thủy sản:
- Về công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề, dịch vụ:
- Phản ánh một số kết quả chính: thu nhập bình quân khu vực nông thôn của huyện; tỷ lệ hộ nghèo của huyện.

2.4. Về phát triển giáo dục, y tế, văn hóa và bảo vệ môi trường:

- Về giáo dục:
- Về y tế:
- Về văn hóa:
- Về môi trường:

2.5. Về xây dựng hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh và gìn giữ an ninh, trật tự xã hội:

3. Kết quả thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới

3.1. Tiêu chí số 1 về Quy hoạch

a) Yêu cầu của tiêu chí:

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:
- Các nội dung đã thực hiện:
- Khối lượng thực hiện:

c) Tự đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí (trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu của tiêu chí).

3.2. Tiêu chí số 2 về Giao thông

a) Yêu cầu của tiêu chí:

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

- Các nội dung đã thực hiện:

- Khối lượng thực hiện:

c) Tự đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí (trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu của tiêu chí).

n. Tiêu chí số về

V. Đánh giá chung

1. Những mặt đã làm được

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

3. Bài học kinh nghiệm

VI. Kế hoạch nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới

1. Quan điểm

2. Mục tiêu

3. Nội dung nâng cao chất các tiêu chí nông thôn mới

Nơi nhận:

-
-
-
- Lưu: VT,

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN TIÊU CHÍ
HUYỆN NÔNG THÔN MỚI**

Huyện

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày / /20..... của UBND huyện)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	ĐVT	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả thực hiện	Kết quả tự đánh giá của huyện
1	Quy hoạch	Có quy hoạch xây dựng trên địa bàn huyện được phê duyệt		Đạt		
2	Giao thông	2.1. Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đảm bảo kết nối tới các xã		Đạt		
		2.2. Tỷ lệ km đường huyện đạt chuẩn theo quy hoạch	%	100%		
3	Thủy lợi	Hệ thống thủy lợi liên xã đồng bộ với hệ thống thủy lợi các xã theo quy hoạch		Đạt		
4	Điện	Hệ thống điện liên xã đồng bộ với hệ thống điện các xã theo quy hoạch, đảm bảo yêu cầu kỹ; thuật của cả hệ thống		Đạt		
5	Y tế - Văn hóa - Giáo dục	5.1. Bệnh viện huyện đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng 3; Trung tâm y tế huyện đạt chuẩn quốc gia		Đạt		
		5.2. Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đạt chuẩn, có các hoạt động văn hóa - thể thao phù hợp kết nối với các xã có hiệu quả		Đạt		
		5.3. Tỷ lệ trường Trung học phổ thông đạt chuẩn	%	≥ 60%		
6	Sản xuất	Hình thành vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung; hoặc có mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị, tổ chức liên kết từ sản xuất đến tiêu thụ các sản phẩm chủ lực của huyện		Đạt		
7	Môi trường	7.1. Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đạt tiêu chuẩn		Đạt		
		7.2. Cơ sở sản xuất, chế biến, dịch vụ (công nghiệp, làng nghề, chăn nuôi, chế biến lương thực - thực phẩm) thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường	%	100%		
8	An ninh, trật tự XH	Đảm bảo an toàn an ninh, trật tự xã hội		Đạt		

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	ĐVT	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả thực hiện	Kết quả tự đánh giá của huyện
9	Chỉ đạo xây dựng NTM	9.1. Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cấp huyện được kiện toàn tổ chức và hoạt động đúng quy định		Đạt		
		9.2. Văn phòng Điều phối Chương trình nông thôn mới cấp huyện được tổ chức và hoạt động đúng quy định		Đạt		

Mẫu số 15**ỦY BAN NHÂN DÂN**.....
-----**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BC-UBND

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO**Tổng hợp ý kiến tham gia về kết quả thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới, kết quả xây dựng nông thôn mới năm của huyện****I. Tóm tắt quá trình UBND huyện tổ chức lấy ý kiến tham gia**

-

II. Ý kiến tham gia về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới, kết quả xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện**1. Ý kiến tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội của huyện/thị xã/TP**

- Hình thức tham gia ý kiến:

- Ý kiến tham gia:

- Đề xuất, kiến nghị (nếu có):

2. Ý kiến tham gia của UBND các xã trên địa bàn huyện

- Hình thức tham gia ý kiến:

- Ý kiến tham gia:

- Đề xuất, kiến nghị (nếu có):

3. Ý kiến tham gia của các đơn vị, tổ chức khác trên địa bàn huyện (tên đơn vị, tổ chức:.....)

- Hình thức tham gia ý kiến:

- Ý kiến tham gia:

- Đề xuất, kiến nghị (nếu có):

4. Ý kiến tham gia của nhân dân trên địa bàn huyện

- Ý kiến tham gia:

- Đề xuất, kiến nghị (nếu có):

III. Kết quả tiếp thu ý kiến tham gia, giải trình của UBND huyện

-

Nơi nhận:

-

-

- Lưu: VT,

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**CHỦ TỊCH***(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

Mẫu số 16**ỦY BAN NHÂN DÂN**.....
-----**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

BIÊN BẢN**Họp đề nghị xét, công nhận huyện đạt chuẩn xây dựng nông thôn mới
năm**

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của thành phố);

Căn cứ Báo cáo số ngày/...../..... của UBND huyện..... về kết quả thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới, kết quả xây dựng nông thôn mới và Báo cáo số ngày / ... / ... của UBND huyện..... tổng hợp ý kiến tham gia về kết quả thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới, kết quả xây dựng nông thôn mới,

Hôm nay, vào hồi giờ phút ngày/...../..... tại, UBND huyện..... tổ chức họp đề nghị xét, công nhận huyện đạt chuẩn xây dựng nông thôn mới, cụ thể như sau:

I. THÀNH PHẦN THAM GIA CUỘC HỌP, GỒM CÓ:

- Ông (bà): - Chức vụ, đơn vị công tác - Chủ trì cuộc họp;

- Ông (bà): - Chức vụ, đơn vị công tác;

-

- Ông (bà): - Chức vụ, đơn vị công tác - Thư ký cuộc họp.

II. NỘI DUNG CUỘC HỌP

1. UBND huyện báo cáo kết quả tự đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới, kết quả xây dựng nông thôn mới; tổng hợp báo cáo tham gia ý kiến của các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân trên địa bàn huyện... về kết quả xây dựng nông thôn mới của huyện....

2. Ý kiến phát biểu thảo luận của các thành viên tham dự cuộc họp về kết quả thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới, kết quả xây dựng nông thôn mới của huyện.

-

3. Kết quả bỏ phiếu: số thành viên tham dự cuộc họp nhất trí đề nghị xét,

công nhận huyện... đạt chuẩn xây dựng nông thôn mới năm là/tổng số thành viên tham dự cuộc họp, đạt%.

Biên bản kết thúc hội giờ phút ngày .../ .../, đã thông qua cho các thành viên tham dự cuộc họp cùng nghe và nhất trí%.

Biên bản này được lập thành bản có giá trị pháp lý như nhau: UBND huyện lưu bản; để làm hồ sơ đề nghị xét, công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới gửi UBND thành phố bản./.

THƯ KÝ CUỘC HỌP

(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ TRÌ CUỘC HỌP

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 17**ỦY BAN NHÂN DÂN**

.....

Số:/TTr-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm 20.....

TỜ TRÌNH**Về việc thẩm định, đề nghị xét, công nhận huyện..... đạt chuẩn xây dựng nông thôn mới năm**

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của thành phố);

Căn cứ Báo cáo số/BC-UBND ngày/...../20..... của UBND thành phố về thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới cho huyện.....;

Căn cứ Biên bản cuộc họp ngày/...../20..... của UBND thành phố đề nghị xét, công nhận huyện đạt chuẩn xây dựng nông thôn mới,

UBND thành phố Hồ Chí Minh kính đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định, đề nghị xét, công nhận huyện..... đạt chuẩn xây dựng nông thôn mới năm.....

Hồ sơ kèm theo Tờ trình, gồm có:

1. Báo cáothẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận huyện... đạt chuẩn xây dựng nông thôn mới (bản chính, kèm theo biểu chi tiết thẩm tra mức độ đạt các tiêu chí huyện nông thôn mới đối với huyện);

2. Báo cáo.....tổng hợp ý kiến tham gia của các cơ quan, tổ chức về kết quả thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn xây dựng nông thôn mới đối với huyện....(bản chính);

3. Biên bản cuộc họpđề nghị xét, công nhận huyện đạt chuẩn xây dựng nông thôn mới (bản chính);

4. Ý kiến đồng ý công nhận huyện đạt chuẩn xây dựng nông thôn mới (bằng văn bản) của các tổ chức chính trị - xã hội cấp thành phố và UBND các huyện trên địa bàn thành phố; đánh giá mức độ đạt tiêu chí (bằng văn bản) của các sở, ban, ngành được giao phụ trách các tiêu chí nông thôn mới;

5. Báo cáo của Mặt trận Tổ quốc thành phố về kết quả lấy ý kiến về sự hài lòng của người dân trên địa bàn huyện đối với việc công nhận huyện đạt chuẩn xây dựng nông thôn mới.

(Kèm theo bộ hồ sơ của UBND huyện trình UBND cấp thành phố thẩm tra)

Kính đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, thẩm định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
-
-
- Lưu: VT,

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 18**ỦY BAN NHÂN DÂN**.....
-----**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BC-UBND

....., ngày tháng năm 20.....

BÁO CÁO**Về việc thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới
cho huyện năm**

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);

Căn cứ đề nghị của UBND huyện tại Tờ trình số/TTr-UBND ngày .../.../.... về việc thẩm tra, xét công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới năm

Căn cứ kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế mức độ đạt các tiêu chí huyện nông thôn mới, UBND thành phố Hồ Chí Minh báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới cho huyện năm cụ thể như sau;

I. KẾT QUẢ THẨM TRA

Thời gian thẩm tra (từ ngày .../.../..... đến ngày .../.../.....):

1. Về hồ sơ**2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới****2.1. Số xã đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định:**

- Tổng số xã trên địa bàn huyện:
- Số xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới:
- Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới:

2.2. Kết quả thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới**a) Tiêu chí số 1 về Quy hoạch**

- Yêu cầu của tiêu chí:
- Kết quả thực hiện tiêu chí:
 - + Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:
 - + Các nội dung đã thực hiện:
 - + Khối lượng thực hiện:
- Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí (trên cơ sở kết quả thẩm tra so với yêu cầu

của tiêu chí).

b) Tiêu chí số 2 về Giao thông

- Yêu cầu của tiêu chí:

- Kết quả thực hiện tiêu chí:

+ Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

+ Các nội dung đã thực hiện:

+ Khối lượng thực hiện:

- Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí (trên cơ sở kết quả thẩm tra so với yêu cầu của tiêu chí).

n. Tiêu chí số về

3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới

-

II. KẾT LUẬN

1. Về hồ sơ

-

2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới

-

3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới

-

III. KIẾN NGHỊ

...../.

Nơi nhận:

-

-

- Lưu: VT,

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM TRACÁC TIÊU CHÍ HUYỆN NÔNG THÔN MỚI
CỦA HUYỆN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày / /20... của UBND thành phố)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	ĐVT	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của huyện	Kết quả thẩm tra của tỉnh
1	Quy hoạch	Có quy hoạch xây dựng trên địa bàn huyện được phê duyệt		Đạt		
2	Giao thông	2.1. Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đảm bảo kết nối tới các xã		Đạt		
		2.2. Tỷ lệ km đường huyện đạt chuẩn theo quy hoạch	%	100%		
3	Thủy lợi	Hệ thống thủy lợi liên xã đồng bộ với hệ thống thủy lợi các xã theo quy hoạch		Đạt		
4	Điện	Hệ thống điện liên xã đồng bộ với hệ thống điện các xã theo quy hoạch, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của cả hệ thống		Đạt		
5	Y tế - Văn hóa - Giáo dục	5.1. Bệnh viện huyện đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng 3; Trung tâm y tế huyện đạt chuẩn quốc gia		Đạt		
		5.2. Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đạt chuẩn, có các hoạt động văn hóa - thể thao phù hợp kết nối với các xã có hiệu quả		Đạt		
		5.3. Tỷ lệ trường Trung học phổ thông đạt chuẩn	%	≥ 60%		
6	Sản xuất	Hình thành vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung; hoặc có mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị, tổ chức liên kết từ sản xuất đến tiêu thụ các sản phẩm chủ lực của huyện		Đạt		
7	Môi trường	7.1. Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đạt tiêu chuẩn		Đạt		
		7.2. Cơ sở sản xuất, chế biến, dịch vụ (công nghiệp, làng nghề, chăn nuôi, chế biến lương thực - thực phẩm) thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường	%	100%		

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	ĐVT	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của huyện	Kết quả thẩm tra của tỉnh
8	An ninh, trật tự XH	Đảm bảo an toàn an ninh, trật tự xã hội		Đạt		
9	Chỉ đạo xây dựng NTM	9.1. Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cấp huyện được kiện toàn tổ chức và hoạt động đúng quy định		Đạt		
		9.2. Văn phòng Điều phối Chương trình nông thôn mới cấp huyện được tổ chức và hoạt động đúng quy định		Đạt		

Mẫu số 19**ỦY BAN NHÂN DÂN**.....

Số: /BC-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO**Tổng hợp ý kiến tham gia vào kết quả thẩm tra hồ sơ đề nghị xét,
công nhận đạt chuẩn xây dựng nông thôn mới năm
cho huyện....., thành phố Hồ Chí Minh****I. Tóm tắt quá trình UBND tỉnh tổ chức lấy ý kiến tham gia**

-
-

II. Ý kiến tham gia vào kết quả thẩm tra hồ sơ đối với huyện**1. Ý kiến tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội cấp thành phố**

- Hình thức tham gia ý kiến:
- Ý kiến tham gia:
- Đề xuất, kiến nghị (nếu có):

2. Ý kiến tham gia của UBND các huyện trên địa bàn thành phố

- Hình thức tham gia ý kiến:
- Ý kiến tham gia:
- Đề xuất, kiến nghị (nếu có):

3. Ý kiến tham gia của nhân dân trên địa bàn thành phố (nếu có)

- Hình thức tham gia ý kiến:
- Ý kiến tham gia:
- Đề xuất, kiến nghị (nếu có):

III. Kết quả tiếp thu ý kiến tham gia, giải trình của UBND thành phố

.....

Nơi nhận:

-
-
- Lưu: VT,

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 20**ỦY BAN NHÂN DÂN**.....
-----**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

BIÊN BẢN**Họp đề nghị xét, công nhận huyệnđạt chuẩn xây dựng nông thôn mới
năm**

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của thành phố);

Căn cứ Báo cáo số ngày/...../..... của UBND thành phố về thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn xây dựng nông thôn mới cho huyện.... năm và Báo cáo ngày/...../..... của UBND thành phố tổng hợp ý kiến tham gia về kết quả thẩm tra hồ sơ cho huyện.....,

Hôm nay, vào hồi giờ phút ngày/...../..... tại, UBND thành phố Hồ Chí Minh tổ chức họp đề nghị xét công nhận huyện đạt chuẩn xây dựng nông thôn mới, cụ thể như sau:

I. THÀNH PHẦN THAM GIA CUỘC HỌP, GỒM CÓ:

- Ông (bà): - Chức vụ, đơn vị công tác - Chủ trì cuộc họp;

- Ông (bà): - Chức vụ, đơn vị công tác;

-

- Ông (bà): - Chức vụ, đơn vị công tác - Thư ký cuộc họp.

II. NỘI DUNG CUỘC HỌP

1. UBND thành phố trình bày Báo cáo thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn xây dựng nông thôn mới cho huyện.....; Báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia về kết quả thẩm tra hồ sơ của huyện.....

2. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc thành phố trình bày Báo cáo về kết quả lấy ý kiến về sự hài lòng của người dân trên địa bàn huyện đối với việc công nhận huyện..... đạt chuẩn xây dựng nông thôn mới.

3. Ý kiến phát biểu thảo luận của các thành viên tham dự cuộc họp về đề nghị xét, công nhận huyện..... đạt chuẩn xây dựng nông thôn mới.

4. Kết quả bỏ phiếu: số thành viên tham dự cuộc họp nhất trí đề nghị xét, công nhận huyện... đạt chuẩn xây dựng nông thôn mới năm là /tổng số..... thành viên tham dự cuộc họp, đạt%.

Biên bản kết thúc hội giờ phút ngày / /, đã thông qua cho các thành viên tham dự cuộc họp cùng nghe và nhất trí%.

Biên bản này được lập thành bản có giá trị pháp lý như nhau: UBND thành phố lưu bản; để làm hồ sơ đề nghị xét, công nhận huyện đạt chuẩn gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bản./.

THƯ KÝ CUỘC HỌP

(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ TRÌ CUỘC HỌP

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng